

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HUNG LONG HÀ NỘI

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY CÔNG NGHIỆP HUNG LONG”

Địa điểm thực hiện dự án: Thuê nhà xưởng số 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam; Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

HUNG YÊN, THÁNG 7 NĂM 2026

Số: 47/2026/VB – CMHLHN
V/v đăng ký môi trường cho dự án
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY
CÔNG NGHIỆP HƯNG LONG”

Đường Hào, ngày 4 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: - **UBND tỉnh Hưng Yên**
- **Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HƯNG LONG HÀ NỘI, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ: Về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HƯNG LONG HÀ NỘI: Số 1 Lô L5, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901006631 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên chứng nhận, đăng ký lần đầu ngày 13/02/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/07/2025.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 7672664678 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2017;

- Người đại diện theo pháp luật của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HƯNG

LONG HÀ NỘI:

Ông Hoàng Tuấn Phong

Chức vụ: Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HUNG LONG HÀ NỘI đăng ký môi trường cho dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY CÔNG NGHIỆP HUNG LONG” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

a. Tên dự án đầu tư, cơ sở

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY CÔNG NGHIỆP HUNG LONG”

b. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư

- Địa điểm thực hiện dự án: Thuê nhà xưởng số 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam; Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Tổng vốn của dự án là: 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

+ Thực hiện các thủ tục hành chính: Từ tháng 03/2017 đến tháng 07/2017;

+ Lắp đặt máy móc, thiết bị: Từ tháng 08/2017 đến tháng 09/2017;

+ Đưa dự án đi vào sản xuất chính thức: Từ tháng 10/2017.

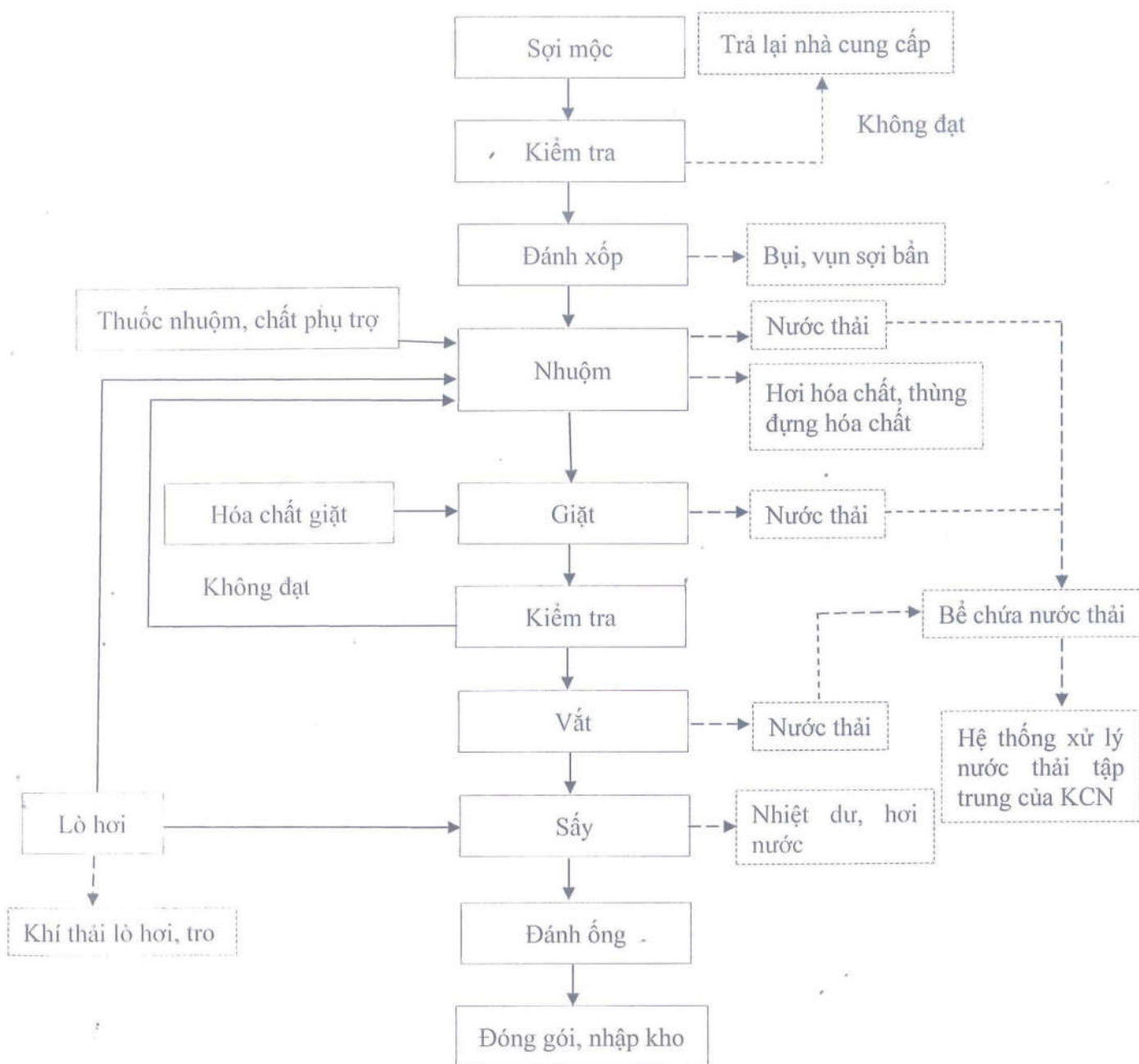
c. Mục tiêu, quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư

- Mục tiêu và quy mô dự án:

+ Sản xuất các loại chỉ và sợi với quy mô công suất 500 tấn sản phẩm/năm.

- Công nghệ, loại hình sản xuất của dự án đầu tư

*** Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của dự án:**



Hình 1. Sơ đồ quy trình sản xuất các loại sợi và chỉ tại dự án

Thuyết minh quy trình:

- Kiểm tra sợi mộc:

Nguyên liệu dự án sử dụng trong quá trình sản xuất là ở dạng sợi mộc (sợi polyester, sợi nylon 6-6 sau khi nhập về nhà máy được cán bộ công ty kiểm tra kỹ, lưỡng số lượng, chủng loại theo đơn đặt hàng trước khi chuyển sang công đoạn đánh xóp. Những nguyên liệu sợi không đạt yêu cầu sẽ được gửi trả lại nhà cung cấp.

- Đánh xóp:

Sợi nguyên liệu sẽ được đưa vào hệ thống máy đánh xóp để làm sạch bụi bẩn bám trên bề mặt sợi, đảm bảo các sợi không bị rối hoặc dính kết vào nhau, giúp tăng khả năng bám màu cho các sợi chỉ. Quá trình này có thể làm phát sinh bụi, vụn sợi bẩn.

- Nhuộm thử trong phòng thí nghiệm:

Sau khi nhận được đơn đặt hàng của khách, phòng thí nghiệm sẽ tiến hành nghiên cứu để tìm ra công thức nhuộm. Thuốc nhuộm cùng các chất trợ nhuộm được pha trộn theo tỉ lệ thử nghiệm sau đó cho vào các khay ống nhuộm có nắp đập, hình dáng giống như nồi nhuộm thu nhỏ. Sợi nguyên liệu sẽ được chia nhỏ thành các mẫu sợi, sau đó cho vào các khay ống nhuộm, đóng kín nắp nồi chuyển vào hệ thống máy nhuộm. Sản phẩm thu được sau khi nhuộm thử nghiệm sẽ được gửi đi cho khách hàng kiểm tra. Nếu đạt yêu cầu thì sẽ sử dụng công thức thí nghiệm này áp dụng cho sản xuất công nghiệp. Nước thải phát sinh từ quá trình này được thu gom và dẫn về hệ thống bể thu gom nước thải chung của dự án sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập chung của KCN.

+ Pha thuốc nhuộm:

Thuốc nhuộm và chất trợ nhuộm trong kho chứa hóa chất được cân đo tỉ lệ theo công thức mà phòng thí nghiệm đưa ra. Lượng hóa chất này sẽ được cho vào hệ thống bình khuấy trộn hóa chất tự động có lắp đầy và van khóa dẫn sang máy nhuộm. Dung dịch thuốc nhuộm và chất trợ nhuộm sau khi trộn đều sẽ được bơm sang hệ thống máy nhuộm. Lượng nước sử dụng cho công đoạn pha thuốc nhuộm phụ thuộc vào thể tích của máy nhuộm, lượng nước này dao động từ 3-60 lít/mẻ nhuộm/máy (trung bình khoảng 11 lít/mẻ nhuộm/máy). Một ngày dự án thực hiện khoảng 6 mẻ nhuộm nên lượng nước pha thuốc nhuộm sử dụng vào khoảng 66 lít/ngày/máy.

Dự án sẽ tiến hành súc rửa bình pha thuốc nhuộm khi thực hiện nhuộm 2 loại màu khác nhau. Lượng nước súc rửa trung bình khoảng 300 lít/ngày.

+ Nhuộm:

Đây là công đoạn quan trọng nhất, vì nó quyết định màu sắc và chất lượng của sản phẩm.

Dự án chỉ sử dụng nguyên liệu chỉ, sợi đạt các tiêu chuẩn đầu vào về độ trắng, sạch và chất lượng nên không thực hiện công đoạn giặt trước khi nhuộm. Sợi, chỉ sau khi được đánh xóp sẽ chuyển luôn sang khu vực nhuộm. Công nhân sẽ tiến hành nạp các búp sợi vào hệ thống giá đỡ, sau đó chuyển vào bên trong các máy nhuộm. Dung dịch nước nhuộm sẽ được phun từ dưới giá lên cao để có thể thấm đều, liên tục vào sợi chỉ. Dự án sẽ tiến hành nhuộm theo mẻ, mỗi mẻ thực hiện trong thời gian từ 1-3 giờ tùy vào độ đậm nhạt của màu nhuộm. Nhiệt độ của máy nhuộm đảm bảo nằm trong khoảng 130°C , và áp suất 0,12 Mpa (tương đương 1,184 atm). Nước sử dụng cho công đoạn nhuộm là nước sạch được gia nhiệt đến khoảng 60°C nhờ hệ thống lò hơi đốt củi gỗ sau đó được bơm vào máy nhuộm. Lượng nước sử dụng này dao động trong khoảng từ 10 – 360 lít/mẻ (trung bình khoảng 55,55 lít/mẻ) tùy thuộc vào thể tích của máy nhuộm.

Nguồn cấp nhiệt cho máy nhuộm là hệ thống lò hơi đốt củi gỗ.

Trong quá trình nhuộm, dự án sử dụng các loại hóa chất như: Thuốc nhuộm hoạt tính và các chất phụ trợ (CH_3COOH , chất làm mềm, chất làm trắng). Với công nghệ nhuộm dự án dự kiến sử dụng thì lượng thuốc nhuộm được hấp thụ vào sản phẩm sợi lên tới trên 95%.

Quá trình nhuộm được chia làm 4 giai đoạn:

- + Các hạt thuốc nhuộm khuếch tán từ dung dịch đến bề mặt ngoài xơ sợi.
- + Các hạt thuốc nhuộm được hấp thụ lên bề mặt ngoài xơ sợi.
- + Các hạt thuốc nhuộm, khuếch tán từ mặt ngoài vào sâu trong lõi xơ sợi theo các mao quản.
- + Thực hiện liên kết bám dính vào xơ sợi.

Trong 4 giai đoạn trên, giai đoạn thứ 3 là giai đoạn diễn ra chậm nhất, nó quyết định tốc độ nhuộm.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khuếch tán:

- + Kích thước phân tử: Kích thước phân tử càng nhỏ thì tốc độ khuếch tán vào xơ sợi càng nhanh.

+ Kích thước mao quản của xơ sợi: Xơ sợi có độ xốp càng cao, trương nở càng tốt trong nước thì càng dễ nhuộm.

+ Mức độ chuyển động của thuốc nhuộm khi nhuộm: Sự chuyển động càng tốt thì thuốc nhuộm càng dễ khuếch tán vào xơ và làm đều màu.

+ Khi nhiệt độ tăng $\rightarrow$ năng lượng hoạt tính khuếch tán gia tăng $\rightarrow$ tốc độ khuếch tán tăng.

Sau khi nhuộm xong, công nhân không tiến hành mở nắp lấy sản phẩm ra ngay mà phải đợi đến khi nhiệt độ máy nhuộm hạ xuống còn 90°C chót an toàn mới tự động bật, công nhân mới có thể tiến hành mở nắp để kiểm tra qua sản phẩm. Nếu sản phẩm chưa đạt yêu cầu thì sẽ được bổ sung thêm thuốc nhuộm để nhuộm tiếp. Còn nếu sản phẩm đạt yêu cầu thì sẽ được thực hiện tiếp công đoạn giặt.

- *Giặt:*

Máy nhuộm dự án sử dụng là loại máy có thể thực hiện cả hai chức năng nhuộm và giặt (*Vì vậy, trong công đoạn nhuộm Báo cáo sẽ gọi là máy nhuộm, còn trong công đoạn giặt sẽ gọi là máy giặt*). Dự án sẽ thực hiện 3 lần giặt trước khi chuyển sản phẩm đến những công đoạn tiếp theo, đó là: giặt hóa chất, giặt nóng và giặt lạnh.

+ *Giặt hóa chất:*

Dự án sẽ sử dụng luôn nước nhuộm của quá trình trước để thực hiện công đoạn giặt hóa chất. Công nghệ giặt sử dụng là giặt khử trong môi trường axit. Hóa chất sử dụng cho công đoạn giặt là: xút. Lượng hóa chất này cũng được pha trộn trong bình pha trộn sau đó dẫn vào hệ thống máy giặt.

Thời gian thực hiện công đoạn giặt hóa chất dao động từ 5 – 30 phút, tùy thuộc vào độ đậm nhạt của sản phẩm. Nhiệt độ tại bể giặt là 110°C . Tương tự như công đoạn nhuộm, đến khi máy giặt hạ xuống còn 90°C chót an toàn mới tự động bật, công nhân mới có thể tiến hành mở nắp để xả nước.

+ *Giặt nóng:*

Nước sử dụng cho công đoạn giặt nóng là nước sạch được gia nhiệt đến khoảng 60°C nhờ hệ thống lò hơi đốt củi gỗ sau đó được bơm vào máy giặt. Lượng

nước sử dụng này dao động trong khoảng từ 15 – 600 lít/mẻ (trung bình khoảng 100 lít/mẻ/máy) tùy thuộc vào thể tích của máy giặt. Nhiệt độ trong máy giặt khi tiến hành giặt nóng nằm trong khoảng 77⁰C.

+ *Giặt lạnh:*

Nước sử dụng cho công đoạn giặt lạnh là nước sạch do KCN cấp. Nhu cầu sử dụng nước cho công đoạn này dao động trong khoảng từ 15 – 600 lít/mẻ (trung bình khoảng 100 lít/mẻ/máy) tùy thuộc vào thể tích của máy giặt. Nhiệt độ trong máy giặt khi tiến hành giặt lạnh nằm trong khoảng 50⁰C.

Sau khi giặt xong, sản phẩm sẽ được hệ thống cấp trực ép ép bớt lượng nước dư rồi chuyển sang khu vực vắt. Quá trình này sẽ làm phát sinh nước thải.

- *Vắt:*

Sau khi giặt xong, sản phẩm sẽ được đưa vào hệ thống máy vắt để vắt hết lượng nước còn bám lại trên bề mặt sợi. Khối lượng sợi có thể vắt được trong một mẻ vào khoảng 200kg/mẻ. Nước thải sau khi vắt sẽ theo đường ống dẫn vào bể chứa nước thải của dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN.

- *Sấy*

Sau khi vắt xong, sợi chỉ gần như đã khô tới 90%. Tuy nhiên để hạn chế hiện tượng ẩm, mốc sợi chỉ gây mùi khó chịu, ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm thì chủ dự án sẽ thực hiện thêm công đoạn sấy. Nguồn nhiệt cấp cho máy sấy là hệ thống lò hơi đốt củi gỗ. Quá trình sấy được thực hiện trong thời gian 1 giờ, nhiệt độ sấy vào khoảng 110⁰C.

Sợi, chỉ sấy xong được chuyển sang công đoạn đánh ống.

- *Đánh ống:*

Sau khi sấy khô, sợi, chỉ đã nhuộm sẽ được chuyển sang khu vực đánh ống. Máy đánh ống sẽ tiến hành chia sợi nguyên liệu thành các ống sợi có kích thước nhất định theo đúng yêu cầu của chủ dự án. Quá trình đánh ống sẽ làm phát sinh bụi, vụn (sợi, chỉ).

- *Đóng gói:*

Tại khu vực đóng gói, các cuộn sợi được công nhân đóng gói theo đúng

quý cách mà dự án yêu cầu, sau đó chuyển về kho chờ ngày xuất cho khách hàng.

d. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Cơ sở đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 20/11/2017.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng, các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở, máy móc thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của dự án đầu tư

a. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

** Danh mục nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động của dự án*

Các nguyên liệu chính sử dụng trong hoạt động sản xuất của dự án tính cho năm sản xuất ổn định được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1: Bảng danh mục nguyên vật liệu phục vụ quá trình hoạt của dự án trong giai đoạn hoạt động ổn định

TT	Tên nguyên vật liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc
1	Sợi polyester	Tấn/năm	412,35	Nhập khẩu/ trong nước
2	Sợi Nilon 6.6, CFP	Tấn/năm	63,24	Nhập khẩu
3	Thuốc nhuộm hoạt tính (màu vàng, đỏ, đen, xanh, cam, đỏ)	Tấn/năm	10,3	Nhập khẩu
4	Các chất phụ trợ			
4.1	Chất cố định màu	Tấn/năm	1,645	Trong nước
4.2	Chất làm mềm (Thành phần chính: Cồn béo)	Tấn/năm	15	Nhập khẩu
4.3	Axit acetic lạnh (Thành phần chính: CH_3COOH)	Tấn/năm	2	Trong nước
4.4	Chất làm trắng (Thành phần chính: chất tăng trắng huỳnh quang)	Tấn/năm	0,455	Trong nước
5	Hóa chất giặt (Xút NaOH dạng rắn 99%)	Tấn/năm	1,3	Trong nước
6	Cui gỗ (sử dụng cho quá trình hoạt động của lò hơi)	Tấn/năm	520	Trong nước

8	Ca(OH) ₂ dùng cho hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi	Tấn/năm	0,7	Trong nước
9	Than hoạt tính sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải	Tấn/năm	1,8	Trong nước
	Tổng	Tấn/năm	1.028,79	

*** Nhu cầu về điện**

Dự án sử dụng điện cho quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của dự án, thiết bị chiếu sáng, phục vụ trong các hoạt động văn phòng, sinh hoạt của cán bộ công nhân viên như quạt mát, điều hòa,...với tổng lượng điện sử dụng cao nhất gần đây là: **92.040 kWh/tháng** (có đính kèm hóa đơn sử dụng điện tại phụ lục).

*** Nhu cầu về nước**

- Nhu cầu sử dụng nước cho giai đoạn hiện tại

Lượng nước sử dụng thực tế cao nhất gần đây là 2.881 m³/tháng, tương đương với khoảng 111 m³/ngày (có đính kèm hóa đơn sử dụng nước ở phần phụ lục báo cáo). Lượng nước được trình bày như sau:

+ Nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khoảng 13,1 m³/ngày;

+ Nước sạch sử dụng cho công đoạn pha thuốc nhuộm, hóa chất: Lượng nước sử dụng cho công đoạn pha thuốc nhuộm phụ thuộc vào thể tích của máy nhuộm, lượng nước này dao động từ 3 - 60 lít/mẻ nhuộm/máy (trung bình 11 lít/mẻ nhuộm/máy). Một ngày dự án thực hiện khoảng 6 mẻ nhuộm nên lượng nước pha thuốc nhuộm sử dụng vào khoảng 66 lít/ngày/máy. Với số lượng máy nhuộm dự án sử dụng là 45 máy thì lượng nước sử dụng cho công đoạn pha thuốc nhuộm ước tính vào khoảng 2.970 lít/ngày (tương đương 2,97 m³/ngày).

+ Nước sạch sử dụng cho công đoạn sục rửa bình pha thuốc nhuộm: Dự án sẽ tiến hành sục rửa bình pha thuốc nhuộm khi thực hiện nhuộm 2 loại màu khác nhau. Lượng nước sục rửa trung bình khoảng 300 lít/ngày (tương đương 0,3 m³/ngày).

+ Nước sạch sử dụng cho công đoạn nhuộm: Lượng nước sử dụng này dao

động trong khoảng từ 10 – 360 lít/mẻ (trung bình khoảng 55,55 lít/mẻ) tùy thuộc vào thể tích của máy nhuộm. Một ngày dự án thực hiện khoảng 6 mẻ nhuộm nên lượng nước sử dụng cho quá trình nhuộm là khoảng 333,3 lít/ngày/máy. Với số lượng máy nhuộm dự án sử dụng là 45 máy thì lượng nước sử dụng cho công đoạn nhuộm ước tính vào khoảng 14.999 lít/ngày (tương đương 14,999 m³/ngày).

+ Nước sạch sử dụng cho công đoạn giặt sau nhuộm: Dự án thực hiện 3 lần giặt:

Giặt hóa chất: Dự án sẽ sử dụng luôn nước nhuộm của quá trình trước để thực hiện công đoạn giặt hóa chất nên sẽ không sử dụng thêm nước sạch cho công đoạn này.

Giặt nóng: Để thực hiện công đoạn giặt nóng dự án sẽ sử dụng khoảng từ 15 – 600 lít nước/mẻ/máy (trung bình khoảng 100 lít/mẻ/máy) tùy thuộc vào thể tích của máy giặt. Một ngày dự án thực hiện khoảng 6 mẻ giặt nóng nên lượng nước cấp cho quá trình giặt nóng vào khoảng 600 lít/ngày/máy. Với số lượng máy nhuộm dự án sử dụng là 45 máy thì lượng nước sử dụng cho công đoạn nhuộm ước tính vào khoảng 27.000 lít/ngày (tương đương 27 m³/ngày).

Giặt lạnh: Để thực hiện công đoạn giặt lạnh dự án sẽ sử dụng khoảng từ 15 – 600 lít nước/mẻ/máy (trung bình khoảng 100 lít/mẻ/máy) tùy thuộc vào thể tích của máy giặt. Một ngày dự án thực hiện khoảng 6 mẻ giặt lạnh nên lượng nước cấp cho quá trình giặt lạnh vào khoảng 600 lít/ngày/máy. Với số lượng máy nhuộm dự án sử dụng là 45 máy thì lượng nước sử dụng cho công đoạn nhuộm ước tính vào khoảng 27.000 lít/ngày (tương đương 27 m³/ngày).

+ Nước sử dụng cho công đoạn sục rửa máy nhuộm: Máy nhuộm của dự án thực hiện cả hai công đoạn: nhuộm và giặt. Nên sau khi nhuộm xong, nước nhuộm thải sẽ được tận dụng luôn làm nước đầu vào của công đoạn giặt hóa chất. Sau khi giặt hóa chất xong, lượng nước thải này sẽ được xả đi để bơm tiếp nước sạch vào thực hiện thêm 2 lần giặt nữa, là giặt nóng và giặt lạnh. Do đó thuốc nhuộm và hóa chất còn dư cũng sẽ trôi hết theo nước giặt thải. Vì vậy, khi phải tiến hành nhuộm hai mẻ nhuộm có màu sắc khác nhau thì dự án cũng không phải thực hiện công đoạn sục rửa máy nhuộm.

Tuy nhiên, để hạn chế tối đa các nguy cơ có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng của sản phẩm thì mỗi tuần 1 lần công ty sẽ tiến hành súc rửa máy nhuộm. Lượng nước sử dụng vào khoảng 600 lít/lần (tương đương 0,1 m³/ngày).

+ Nước sử dụng cho hoạt động thí nghiệm là rất ít và không liên tục chỉ khoảng 100 lít/ngày (tương đương 0,1 m³/ngày).

+ Nước sử dụng để cấp phục vụ quá trình hoạt động lò hơi : 24 m³/ngày

+ Nước sử dụng để vệ sinh lò hơi : 0,4 m³/lần/3 tháng.

+ Nước sử dụng để pha dung dịch sữa vôi cho hệ thống thu gom, xử lý bụi khí thải lò hơi: 1 m³/lần/3 tháng.

+ Nước bổ sung bay hơi cho hệ thống thu gom, xử lý bụi khí thải lò hơi: 0,1 m³/ngày

+ Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy được dự trữ trong bể và chỉ sử dụng khi có hỏa hoạn.

b. Các sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm đầu ra của dự án là các loại chỉ và sợi.

c. Máy móc thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của dự án

*** Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của dự án**

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của dự án được thể hiện chi tiết qua bảng sau:

Bảng 2: Bảng danh mục máy móc thiết bị chính phục vụ quá trình hoạt động của dự án

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Nguồn gốc
1	Máy nhuộm 100kg	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
2	Máy nhuộm 80kg	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
3	Máy nhuộm 50kg	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
4	Máy nhuộm 20kg	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc

5	Máy nhuộm 6kg	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
6	Máy nhuộm 4kg	Cái	4	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
7	Máy nhuộm 1kg	Cái	4	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
8	Máy nhuộm thí nghiệm	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
9	Máy vắt ly tâm	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
10	Máy sấy hơi	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
11	Ba Lăng	Dàn	2	2017	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
12	Máy đánh xốp 24 đầu	Dàn	2	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
13	Máy đánh ống tự động	Dàn	10	2017	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
14	Cân hóa chất	Cái	4	2017	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
15	Máy nén khí	Cái	2	2017	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
16	Máy đánh ống loại cone thường	Cái	1	12/04/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
17	Máy đánh ống loại cone thường	Cái	1	12/04/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
18	Máy đánh ống loại cone thường	Cái	1	12/04/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
19	Máy đánh ống loại cone thường	Cái	1	12/04/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
20	Máy đánh suốt loại lõi thường	Cái	1	12/04/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
21	Máy đánh ống loại cone thường	Cái	1	13/04/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc

22	Máy đánh ống loại cone thường	Cái	1	08/06/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
23	Máy nhuộm dùng để tạo màu 343 búp	Cái	1	04/10/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
24	Máy đánh ống loại cone thường	Cái	1	04/10/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
25	Máy nhuộm 1 cối	Cái	1	12/10/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
26	Máy nhuộm 1 cối	Cái	1	12/10/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
27	Máy nhuộm 2 cối	Cái	1	12/10/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
28	Máy nhuộm 2 cối	Cái	1	12/10/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
29	Máy Quang Phổ (TS Thuê TC)	Cái	1	31/10/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
30	Máy châm màu tự động (TS Thuê TC)	Cái	1	02/11/2018	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
31	Máy đánh ống loại cone thường TN-35EF 1600m/min	Cái	1	19/06/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
32	Máy đánh ống loại cone thường TN-35EF 1600m/min	Cái	1	19/06/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
33	Máy đánh ống loại cone thường TN-35EF 1600m/min	Cái	1	19/06/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
34	Máy đánh ống loại cone thường TN-35EF 1600m/min	Cái	1	19/06/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
35	Máy đánh ống xốp EPS-031:2.5KW;AC380	Cái	1	29/07/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
36	Máy đánh ống xốp EPS-031:2.5KW;AC380	Cái	1	29/07/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc

37	Máy đánh ống xốp EPS-031:2.5KW;AC380	Cái	1	29/07/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
38	Lồng nhuộm sợi chỉ bằng inox QXA-90,152 búp chỉ	Cái	1	29/07/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
39	Lồng nhuộm sợi chỉ bằng inox QXA-75,96 búp chỉ	Cái	1	29/07/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
40	Lồng nhuộm sợi chỉ bằng inox QXA-60,56 búp chỉ	Cái	1	29/07/2019	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
41	Máy nhuộm sợi cotton DYEDTECH,TCD-1	Cái	1	13/05/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
42	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-1 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
43	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-2 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
44	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-4 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
45	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-6 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
46	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-6 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
47	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-9 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
48	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-9 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc

49	Máy nhuộm sợi cotton Model: TS-TCD-24 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
50	Máy cổ định cuộn sợi Model: TS-TFY (MHQ:84459010)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
51	Máy nhuộm mẫu nhiệt độ cao Model: TS-HS- 16 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
52	Máy nhuộm phụ tự động nhiệt độ cao Model: TS- HSD-2 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
53	Máy nhuộm phun tự động nhiệt độ cao Model: TS-HSD-6 (MHQ:84514000)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
54	Máy cuộn sợi thành guồng Model: TS-KC-8 (MHQ:844540900)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
55	Máy cuộn guồng thành cuộn sợi Model: TS-KC- 12 (MHQ:844540900)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
56	Máy cuộn dây thành guồng Model: TS-HS-16 (MHQ:844540900)	Cái	1	08/06/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
57	Máy xấp guồng 8 đầu (máy đánh ống).Model:TH-12A	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
58	Máy đào xấp (máy đánh ống).Model:TH-11B	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
59	Tủ điện điều khiển máy đào xấp.Model:TH-11B	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
60	Tủ điện điều khiển máy đào xấp.Model:TH-12B	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc

61	Máy banh TAIHE	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
62	Máy dệt bao vớ TAIHE	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
63	Máy sấy 448 cối hoạt động bằng điện. Model:448BOBINS	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
64	Máy đánh ống cứng. Model:GY021	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
65	Máy nhuộm tạo màu 1 búp. Model:QXA-15	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
66	Máy nhuộm tạo màu 1 búp. Model:QXA-15	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
67	Máy vắt 72 búp. Model:QX-72	Cái	1	21/09/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
68	LÔNG MÁY NHUỘM INOX 304 392 BÚP	Cái	1	21/11/2020	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
69	Máy nhuộm cao áp. Model: DF252-650	Cái	1	14/12/2020	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
70	Máy nhuộm cao áp. Model: DF252-750	Cái	1	14/12/2020	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
71	Máy nhuộm cao áp. Model: DF252-900	Cái	1	14/12/2020	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
72	Máy nhuộm cao áp. Model: DF252-1100	Cái	1	14/12/2020	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
73	Máy nhuộm cao áp. Model: DF252-1200	Cái	1	14/12/2020	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
74	Nồi hơi đốt than đá cục kíp lê, cùi CS4000kg/h	Cái	1	31/03/2021	Đang hoạt động tốt	Việt Nam
75	Máy nhuộm cao áp, Model QXW-50, Seaial No 21QX-01	Cái	1	31/03/2021	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
76	Máy nhuộm cao áp, Model QXW-90, Seaial No 21QX-02	Cái	1	31/03/2021	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc

77	Máy nhuộm tự động, Model QXA-65, Seaial No 21-04	Cái	1	31/03/2021	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
78	Mâm nhuộm - phụ kiện đi kèm máy nhuộm, Model QXW-50	Cái	1	31/03/2021	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
79	MÁY NHUỘM SỢI DYEDTECH 380VAC/50HZ,2.25KW	Cái	1	08/11/2022	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
80	MÁY NHUỘM SỢI DYEDTECH 380VAC/50HZ,1.65KW	Cái	1	08/11/2022	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc
81	MÁY QUẢN CHỈ TỐC ĐỘ CAO INWIN W&R TN-35EF	Cái	1	28/02/2023	Đang hoạt động tốt	Trung Quốc

(Nguồn: chủ dự án)

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở

3.1. Loại và khối lượng nước thải phát sinh

3.1.1. Trong giai đoạn hoạt động của dự án

- *Nước thải sinh hoạt:*

Với lượng nước sử dụng thực tế khoảng 13,1 m³/ngày. Lượng nước thải phát sinh được tính tối đa bằng 100% lượng nước cấp tương đương với 13,1 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt phát sinh với nồng độ các chất ô nhiễm như BOD₅, COD, TSS... trong nước thải cao hơn so với quy chuẩn nước thải đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối. Do đó chủ dự án sẽ có giải pháp thu gom, xử lý đối với loại nước thải này đảm bảo tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN và thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN theo đúng quy định.

- *Nước thải sản xuất*

Trong quá trình hoạt động, nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ quá trình pha thuốc nhuộm, quá trình sục rửa bình pha thuốc nhuộm, quá trình giặt, quá

trình nhuộm, quá trình vắt... với tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh vào khoảng 72,899 m³/ngày và được trình bày cụ thể như sau:

- + Nước sử dụng để pha thuốc nhuộm, hóa chất vào khoảng: 2,97 m³/ngày. Lượng hóa chất và thuốc nhuộm này sẽ được đưa hết vào quá trình nhuộm.

- + Nước sử dụng cho công đoạn súc rửa bình pha thuốc nhuộm vào khoảng 0,3 m³/ngày. Nên lượng nước thải phát sinh từ công đoạn này cũng vào khoảng 0,3 m³/ngày.

- + Nước sử dụng cho công đoạn nhuộm vào khoảng 14,999 m³/ngày. Lượng nước thải sau công đoạn này được tận dụng cho công đoạn giặt hóa chất. Nặng lượng nước thải phát sinh sau khi nhuộm và giặt hóa chất vào khoảng 14,999 m³/ngày.

- + Nước sử dụng cho công đoạn giặt nóng vào khoảng 27 m³/ngày nên lượng nước thải phát sinh sau công đoạn này vào khoảng 27 m³/ngày.

- + Nước sử dụng cho công đoạn giặt lạnh vào khoảng 27 m³/ngày nên lượng nước thải phát sinh sau công đoạn này vào khoảng 27 m³/ngày.

- + Nước thải sau công đoạn vắt vào khoảng 3 m³/ngày.

- + Nước thải phát sinh trong công đoạn vệ sinh máy nhuộm vào khoảng 0,1 m³/ngày.

- + Lượng nước sử dụng cho hoạt động thí nghiệm là rất ít và không liên tục nên lượng nước thải phát sinh là không đáng kể, chỉ khoảng 100 lít/ngày (tương đương 0,1 m³/ngày).

- + Trong quá trình hoạt động của lò hơi, để đảm bảo độ bền của lò hơi cũng như tránh các sự cố xảy ra thì định kì 3 tháng/lần chủ dự án sẽ tiến hành vệ sinh cặn bẩn trong lò. Quá trình vệ sinh sẽ làm phát sinh một lượng nước thải vào khoảng 0,4 m³/lần/3 tháng.

Thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sản xuất theo kết quả phân tích môi trường nước thải của dự án ngày 31/12/2025 do Công ty Cổ phần công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam lấy mẫu được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu sau:

Bảng 3: Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải sau xử lý của dự án

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC KCN dệt may Phố Nối
				NT	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	25,3	40
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,31	5-9
3	Clorua (Cl-) ^(b)	mg/l	TCVN 6194:1996	41,8	16,5
4	Độ màu ^(b)	Pt/Co	TCVN 6185.C:2015	8	750
5	TSS ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	14,2	300
6	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	16,3	250
7	COD ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2023	38,7	800
8	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,03	0,4
9	Tổng Nito ^(b)	mg/l	TCVN 6638:200	12,1	60
10	Tổng phosphor (Tổng P) ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,09	-
11	Coliform ^(b)	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B:2023	5,6x10 ²	6.000
12	Cyanide (CN-) ^(b)	mg/l	SMEWW 4500CN- .C&E:2023	KPH (MDL=0,002)	0,3

*(Nguồn : Chủ dự án cung cấp)***Ghi chú :**

+ KPH : không phát hiện ; MDL : Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Quy chuẩn so sánh : TC KCN dệt may Phố Nối : Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp dệt may Phố Nối.

Nhận xét: Nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải sản xuất của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép của KCN dệt may Phố Nối.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh**3.2.1. Trong giai đoạn hoạt động của dự án**

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông ra

vào dự án:

Trong quá trình hoạt động ổn định của dự án thì dự án có nhu cầu sử dụng các phương tiện vận tải (xe tải, xe bốc dỡ các nguyên vật liệu...). Trong quá trình vận hành các phương tiện này do sử dụng nhiên liệu chủ yếu dầu diezen nên khi đốt sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như bụi, SO_2 , NO_2 , CO, HC... Với cung đường vận chuyển nguyên vật liệu đến dự án trung bình khoảng 20km và tổng khối lượng nguyên vật liệu, sản phẩm cần vận chuyển vào khoảng 2.023,216 tấn/năm. Dự kiến mỗi xe vận chuyển được khoảng 18 tấn thì số lượt xe cần sử dụng để vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào dự án trong giai đoạn vận hành được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 4: Bảng lưu lượng xe vận chuyển hàng hóa của dự án

Giai đoạn	Khối lượng vận chuyển (tấn)	Tổng lượt xe	Số ngày vận chuyển	Lưu lượng (xe/ngày)
Vận hành ổn định	2.023,216	113	300	1

Để đánh giá tối đa tác động của bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển hàng hóa trong giai đoạn vận hành của dự án thì ta tính cho lưu lượng vận chuyển hàng hóa tối đa là 5 lượt xe/ngày.

Với 5 lượt xe hàng hóa trong một giờ trên cung đường vận chuyển là 20 km thì tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển hàng hóa của dự án trong một ngày được tính theo công thức sau:

Tải lượng = Hệ số ô nhiễm x số xe vận chuyển x quãng đường vận chuyển.

Do đó tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình vận chuyển hàng hóa của dự án phát sinh một giờ được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu sau:

Bảng 5: Bảng tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình vận chuyển hàng hóa của dự án

Khí thải	Bụi (g/ngày)	SO_2 (g/ngày)	NO_2 (g/ngày)	CO (g/ngày)	VOC (g/ngày)
Chạy không tải	61,1	58,2	162	91,3	51,1
Chạy có tải	119	78,6	296	178	127
Tổng tải lượng	180,1	136,8	458	269,3	178,1

Tài lượng của ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào nhà máy và trên cung đường vận chuyển là không cao. Bên cạnh đó, các xe ra vào tại thời điểm khác nhau, khu vực xe chạy không gian rộng thoáng nên khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển phát tán nhanh vào môi trường không khí, không gây ra ô nhiễm cục bộ, ít gây ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe con người.

- *Bụi sợi chỉ phát sinh từ quá trình sản xuất:*

Trong quá trình sản xuất, dự án có sử dụng hệ thống máy đánh xốp để làm sạch bụi bám trên bề mặt sợi và hệ thống máy đánh ống tự động để chia sợi thành những cuộn sợi nhỏ nên có thể làm phát sinh một lượng nhỏ bụi vào môi trường không khí. Lượng bụi này chủ yếu là các sợi sợi, bông sợi bị bật ra khỏi cấu trúc sợi khi bị tác dụng lực. Tuy nhiên do dự án chỉ đánh xốp sợi để tăng khả năng bám màu cho sản phẩm và chia sợi thành những cuộn sợi nhỏ chứ không cắt vụn sợi. Hơn nữa, loại sợi nguyên liệu mà dự án sử dụng là sợi Polyester và sợi nilon 6.6 đây là những sợi tổng hợp có cấu trúc bền vững. Vì vậy, lượng bụi có khả năng phát sinh từ công đoạn đánh xốp, đánh ống tự động là không đáng kể.

- *Tác động của hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sản xuất:*

+ Hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn nhuộm:

Trong quá trình nhuộm, dự án có sử dụng thuốc nhuộm và các hóa chất trợ nhuộm nên sẽ làm phát sinh hơi hóa chất. Nồng độ hơi hóa chất phát sinh được chủ dự án tính toán như sau:

Tổng lượng axit acetic (CH_3COOH) dự án sử dụng tại công đoạn nhuộm là 2 tấn/năm (tương đương với 277,78 g/giờ). Mỗi mẻ được thực hiện trong thời gian từ 1 – 3 giờ (tính trung bình là 2 giờ) tùy vào màu sắc của màu nhuộm. Nên lượng CH_3COOH cấp vào mỗi mẻ nhuộm là:

$$m_{\text{cấp}} \text{CH}_3\text{COOH} = 277,78 \times 2 \text{ giờ} = 555,56 \text{ (g/mẻ)}.$$

Công đoạn nhuộm được thực hiện trong máy nhuộm kín có thể tích trung bình khoảng 170 lít/máy ở nhiệt độ khoảng 1300°C (tương đương 403°K), áp suất 0,12 MPa (tương đương 1,184 atm). Vì vậy ta có thể tính số mol CH_3COOH trong nước nhuộm theo công thức:

$$n_{\text{CH}_3\text{COOH}} = (P.V)/(R.T) = (1,184 \times 170) / (0,082 \times 403) = 6,09 \text{ (mol)}$$

$$\rightarrow m_{\text{CH}_3\text{COOH}} \text{ trong máy nhuộm} = n_{\text{CH}_3\text{COOH}} \times M_{\text{CH}_3\text{COOH}} = 6,09 \times 60 = 365,4 \text{ (g)}$$

Nên lượng CH_3COOH có khả năng bay hơi được tính như sau:

$$m_{\text{CH}_3\text{COOH}} \text{ bay hơi} = m_{\text{CH}_3\text{COOH}} \text{ cấp} - m_{\text{CH}_3\text{COOH}} \text{ trong máy nhuộm} \\ = 555,56 - 365,4 = 190,16 \text{ (g)/2h hay } 95,08 \text{ g/h.}$$

Quá trình nhuộm được thực hiện tại khu vực nhuộm có diện tích khoảng 300 m^2 và chiều cao của nhà xưởng là 7 m thì nồng độ hơi CH_3COOH phát sinh từ quá trình nhuộm tồn lưu trong môi trường không khí khu vực nhuộm được tính như sau:

$$C_{\text{CH}_3\text{COOH}} \text{ bay hơi} = m_{\text{CH}_3\text{COOH}} \text{ bay hơi} / V = 95,08 \times 10^3 / (300 \times 7) = 45,3 \text{ mg/m}^3$$

Nồng độ này cao hơn so với giới hạn nồng độ của hơi CH_3COOH trong môi trường không khí làm việc theo quy định của QCVN 03:2019/BYT (giới hạn của hơi CH_3COOH trong môi trường không khí khu vực làm việc là 35 mg/m^3). Do đó, chủ dự án cần đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động của hơi CH_3COOH phát sinh từ quá trình nhuộm đến môi trường, công nhân làm việc tại dự án và các dự án xung quanh khu vực thực hiện dự án.

+ Hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn giặt:

Trong quá trình giặt hóa chất, dự án có tận dụng nước nhuộm từ quá trình nhuộm và bổ sung thêm hóa chất giặt (xút NaOH). Tuy nhiên, tương tự như công đoạn nhuộm, công đoạn giặt được thực hiện luôn bằng máy nhuộm kín ở nhiệt độ 110°C và chỉ tiến hành mở nắp khi nhiệt độ của máy hạ xuống còn 90°C . Nên phần lớn hơi nước và hơi hóa chất sẽ ngưng tụ và quay trở lại máy giặt. Hơn nữa, nhiệt độ sôi của NaOH là rất cao (1.390°C) mà nhiệt độ giặt lại thấp hơn nhiều (110°C) nên khả năng xút NaOH bay hơi là gần như không đáng kể.

Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa tác động của hơi hóa chất đến môi trường làm việc cũng như sức khỏe cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án thì chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu ở phần sau.

+ Hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn sấy:

Sản phẩm sau khi nhuộm xong được đưa đi giặt lại 3 lần (giặt hóa chất, giặt nóng, giặt lạnh) sau đó mới chuyển tiếp sang công đoạn vắt và sấy. Vì vậy, hóa chất còn dư

sau khi nhuộm sẽ tác động hết vào môi trường nước trong công đoạn giặt. Sau đó sản phẩm được chuyển vào máy vắt để vắt hết tối đa lượng nước còn lại trong sản phẩm. Sợi chỉ sau khi qua máy vắt gần như đã khô tới 90%. Hơn nữa công đoạn sấy được thực hiện trong máy sấy kín, ở nhiệt độ 110°C trong thời gian 1 giờ nên tác động chính của công đoạn sấy là tác động của nhiệt dư và hơi nước. Do đó tác động của hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sấy đến môi trường, công nhân làm việc tại dự án và các dự án xung quanh là thấp.

+ Tác động của hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động thí nghiệm:

Nhân viên trong phòng thí nghiệm chỉ tiến hành phân tích khi nhận được đơn hàng mới của khách để tìm ra công thức nhuộm nên khối lượng mẫu nhuộm và lượng thuốc nhuộm, hóa chất sử dụng là rất ít. Hơn nữa, mẫu sợi được nhuộm trong khay ống nhuộm kín (dung tích 100 ml) sau đó đưa vào máy nhuộm kín. Nên khả năng hơi hóa chất phát sinh phát tán vào môi trường không khí là thấp và ảnh hưởng của hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động thí nghiệm đến môi trường, công nhân làm việc tại cơ sở là thấp.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi:

Để cấp nhiệt cho công đoạn nhuộm và sấy, chủ dự án sẽ sử dụng 01 lò hơi công suất 3 tấn/giờ với nhiên liệu sử dụng là củi gỗ để cấp hơi nước nhiệt, hơi nước cho quy trình sản xuất của dự án.

- Lượng củi gỗ dự án sử dụng vào khoảng 520 tấn/năm, tương đương với 72 kg/giờ. Quá trình đốt nhiên liệu sẽ làm phát sinh một lượng bụi, khí thải vào môi trường không khí.

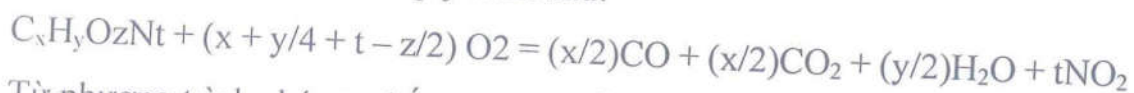
Củi gỗ dự án sử dụng có công thức tổng quát là $C_xH_yO_zN_t$ và thành phần theo khối lượng của các nguyên tố trong mùn cưa được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 6: Bảng thành phần khối lượng nhiên liệu đốt

TT	Thành phần	% khối lượng trong củi ép
1	Cacbon, C	39,6
2	Hydro, H	5,20
3	Oxy, O	34,70

4	Nitơ, N	0,02
5	Lưu huỳnh, S	0,00
6	Độ tro, A	0,48
7	Độ ẩm, W	20,00
	Cộng	100

Khi đốt nhiên liệu thì $C_xH_yO_zN_t$ tác dụng với Oxi sinh ra bụi, CO, CO₂, NO_x vào môi trường không khí theo quy trình sau:



Từ phương trình cháy ta thấy tùy vào điều kiện đốt thiếu oxy hay dư oxy sẽ sản sinh ra khí CO hoặc khí CO₂. Trong trường hợp của dự án, chủ dự án sử dụng lò hơi tăng sôi đa nhiên liệu có hệ thống quạt cấp không khí cho quá trình đốt nên quá trình đốt luôn luôn dư thừa khí oxy do đó quá trình đốt cháy nguyên liệu là quá trình đốt cháy hoàn toàn và sản phẩm khí sinh ra sau quá trình cháy chủ yếu là CO₂, NO₂, hơi nước và bụi.

Với lượng củi gỗ dự án sử dụng một giờ là 72 kg/giờ thì khối lượng từng nguyên tố trong củi gỗ sử dụng để làm nhiên liệu cấp nhiệt cho lò hơi trong một giờ được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 7: Bảng khối lượng các nguyên tố trong củi gỗ sử dụng để cấp cho lò hơi trong một giờ

TT	Thành phần	Khối lượng của các thành phần trong nhiên liệu đốt (kg/giờ)
1	Cacbon, C	26,568
2	Hydro, H	3,744
3	Oxy, O	24,984
4	Nitơ, N	0,0144
5	Lưu huỳnh, S	0,00
6	Độ tro, A	0,3456
7	Độ ẩm, W	14,4

Với lượng nguyên tố C, N có trong mùn cưa, củi mùn cấp nhiệt cho lò hơi trong một giờ là 26,568 kg C và 0,0144 kg N thì lượng khí CO₂, NO₂ sinh ra từ quá trình đốt củi cấp nhiệt cho lò hơi được tính như sau:

$$M_{CO_2} = 26,568 \times (44/12) = 97,416 \text{ kg/giờ}$$

$$M_{NO_2} = 0,0144 \times (46/14) = 0,0473 \text{ kg/giờ}$$

Với lượng tro có trong củi gỗ sử dụng cho lò hơi trong một giờ là 0,3456 kg/giờ thì khối lượng bụi phát sinh tối đa từ quá trình đốt cấp nhiệt cho lò hơi là 0,3456 kg/giờ.

Tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt củi gỗ cấp nhiệt cho lò hơi được trình bày chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 8: Bảng tải lượng các chất gây ô nhiễm phát sinh từ quá trình đốt củi gỗ cấp nhiệt cho lò hơi

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng chất ô nhiễm (kg/giờ)
1	Bụi	0,3456
2	CO ₂	97,416
3	NO ₂	0,0473

Theo sổ tay hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tập 2 Xử lý khí thải lò hơi thì:

Lưu lượng khí thải ở nhiệt độ t được tính theo công thức:

Trong đó:

L: Lưu lượng khí thải phát sinh (m³/h);

B: Lượng củi gỗ sử dụng (kg/h);

v_0^{20} : Khối sinh ra khi đốt 1 kg củi gỗ ($v_0^{20} = 4,3 \text{ m}_3/\text{kg}$)

v_0 : Lượng khí cần để đốt 1 kg củi gỗ ($v_0 = 3,43 \text{ m}_3/\text{kg}$)

α : Là hệ số thừa khí ($\alpha = 1,25$)

t : Nhiệt độ khí thải gần đúng có thể lấy $t = 150^\circ\text{C}$.

Với lượng củi gỗ dự án sử dụng là 72 kg/giờ thì lượng khí thải phát sinh ra trong quá trình đốt củi gỗ cấp nhiệt cho lò hơi được tính như sau:

$$L = 72[4,3 + (1,25 - 1)3,43] * [(273 + 150) / 273] = 575,37 \text{ (m}^3/\text{h)}$$

Nồng độ các chất ô nhiễm = Tải lượng chất ô nhiễm $\times 10^6$ / lưu lượng khí thải phát sinh (mg/m³).

Kết quả tính toán nồng độ chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình đốt hỗn hợp nguyên liệu củi gỗ cấp nhiệt cho lò hơi được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 10: Bảng nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp cho lò hơi

TT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ các chất ô nhiễm
1	Bụi	mg/m ³	600,7
2	CO ₂	mg/m ³	169310,2
3	NO _x	mg/m ³	82,2

Chuyển đổi nồng độ của bụi và khí thải từ điều kiện thường về điều kiện tiêu chuẩn:

Áp dụng phương trình ceclaparon mendeleep (vật lý 9) ta có:

$$P_0 x V_0 = \frac{m_0}{n} x R x T_0$$

$$\text{suy ra } n = \frac{m_0}{P_0 x V_0} x R x T_0 \quad (1)$$

Trong đó:

P₀: là áp suất ở điều kiện tiêu chuẩn;

V₀: là thể tích khí ở điều kiện tiêu chuẩn;

T₀: là nhiệt độ khí ở điều kiện tiêu chuẩn;

n: là số lượng mol khí;

m₀: là khối lượng khí ở điều kiện chuẩn;

Áp dụng điều kiện thực tế ta được $P_1 x V_1 = \frac{m_1}{n} x R x T_1$

$$\text{suy ra } n = \frac{m_1}{P_1 x V_1} x R x T_1 \quad (2)$$

$$\text{từ (1) và (2) ta có } \frac{m_1}{P_1 x V_1} x R x T_1 = \frac{m_0}{P_0 x V_0} x R x T_0$$

$$\text{hay } \frac{c_1 x T_1}{P_1} = \frac{c_0 x T_0}{P_0}$$

$$\text{Từ đó sẽ có } \text{mg/m}^3 = \frac{T_0 x P_1}{T_1 x P_0} \text{ mg/Nm}^3$$

$$T_0 = 273$$

$$T_1 = \text{nhiệt độ khói lò ra } T_1 = 150 + 273$$

$$P_0 = 1 \text{ at}$$

$$P_1 = P_0 + \mu gh \text{ (định luật pascal)}$$

μ : khối lượng riêng của khí thải từ quá trình đốt củi 1183 kg/m³;

$$g = 9.807 \text{ (m/s}^2\text{)};$$

h : là chiều cao của ống khói là 15 m

$$\text{Suy ra } P_1 = 1 + \mu gh = 1 + 1.183 \times 9.807 \times 15 \times 1,0197 / (9,81 \times 10^5) = 1,18 \text{ at;}$$

$$\text{Suy ra } mg/m^3 = 0,76 \text{ mg/Nm}^3.$$

Vậy nồng độ bụi và khí thải tại đầu ra ống khói lò hơi ở điều kiện tiêu chuẩn được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 11: Bảng nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp nhiệt cho lò hơi ở điều kiện tiêu chuẩn

TT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ các chất ô nhiễm ở điều kiện tiêu chuẩn	QCVN 19:2024/BTNMT cột A
1	Bụi	mg/Nm ³	790,4	≤ 40 (6)
2	NO _x	mg/Nm ³	108,2	≤ 150 (6)
3	CO ₂	mg/Nm ³	222776,6	-

Từ bảng tính toán trên ta nhận thấy nồng độ thông số bụi trong khí thải lò hơi cao hơn so với quy định của QCVN 19:2024/BTNMT cột A. Do đó cần có biện pháp giảm thiểu tác động của bụi phát sinh từ quá trình đốt củi gỗ cấp nhiệt cho lò hơi đến môi trường, công nhân làm việc tại dự án, dự án xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- *Mùi phát sinh từ quá trình lưu giữ chất thải:*

Trong quá trình hoạt động, mùi có thể phát sinh từ quá trình phân hủy các tạp chất, hợp chất hữu cơ có trong nước thải, quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong rác thải sinh hoạt với thành phần gồm các chất gây mùi như H₂S, NH₃, Mecaptan, CO₂, C_xH_y, ... gây ra mùi hôi khó chịu gây tác động đến môi trường không khí xung quanh khu vực thực hiện dự án. Mùi phát sinh sẽ gây cảm giác khó chịu về tâm lý hơn là tác hại đối với cơ thể. Không khí có mùi khó chịu sẽ làm giảm chất lượng cuộc sống, gây khó thở, buồn nôn khiến cho con người cảm thấy uể oải, mệt mỏi ảnh hưởng đến hiệu suất công việc cũng như chất lượng cuộc sống.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tham gia vào quá trình quản lý, điều hành hoạt động dự án

- Khối lượng, chủng loại phát sinh được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu sau:

Bảng 12: Bảng tổng hợp chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định của dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt như: thức ăn thừa, rau, củ, bao gói đựng thức ăn.....	Rắn	15.000
2	Bùn thải từ bể tự hoại	Rắn	3.588
	Tổng		18.588

3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Trong giai đoạn hoạt động của dự án thì các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu từ khu vực văn phòng, quá trình sản xuất. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 13: Bảng tổng hợp các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án

TT	Loại chất thải phát sinh	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì giấy, thùng carton... phát sinh từ hoạt động của văn phòng	Kg/năm	120
2	Bao gói nguyên liệu thải bỏ	Kg/năm	2040
3	Sợi, chỉ vụn phát sinh từ quá trình sản xuất	Kg/năm	2500
4	Sản phẩm lỗi, hỏng	Kg/năm	3500
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Kg/năm	360
6	Tro thải	Kg/năm	130.000
7	Nước vệ sinh lò hơi định kỳ thải bỏ (không chứa thành phần nguy hại)	Kg/năm	1.600
	Tổng	Kg/năm	140.120

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Trong giai đoạn hoạt động ổn định của dự án thì chất thải nguy hại phát sinh

chủ yếu từ hoạt động của khu văn phòng, quá trình hoạt động sản xuất, quá trình hoạt động của hệ thống xử lý khí thải của dự án với thành phần, khối lượng chất thải nguy hại được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 7: Bảng danh mục chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định của dự án

TT	Chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị	Lượng thải	Mã chất thải
I	Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên				
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	Kg/tháng	3	16 01 12
2	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Kg/tháng	2	16 01 06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	Kg/tháng	20	17 02 03
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	Kg/tháng	150	12 01 04
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát				
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	Kg/tháng	1,5	08 02 04
2	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn	Kg/tháng	3	08 02 01
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau, găng tay dính dầu, giấy lọc...)	Rắn	Kg/tháng	70	18 02 01
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	Kg/tháng	3	18 01 02
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	Kg/tháng	80	18 01 03

6	Bộ lọc dầu	Rắn	Kg/tháng	10	15 01 02
7	Các loại sập và mỡ thải	Lỏng/Rắn	Kg/tháng	8	17 07 04
8	Bao bì mềm thải	Rắn	Kg/tháng	70	18 01 01
	Tổng		Kg/tháng	245,5	

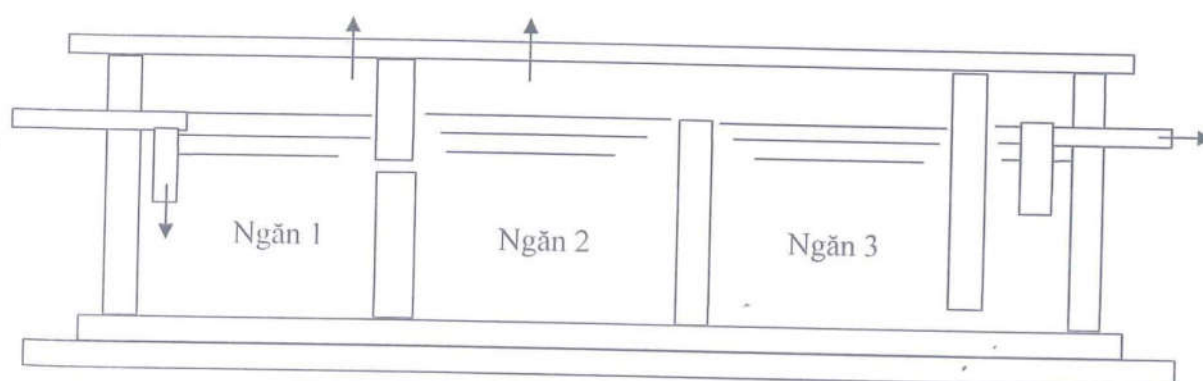
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh

* Đối với nước thải sinh hoạt:

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định với tổng số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án là 100 người thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án tối đa vào khoảng 13,1 m³/ngày.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn theo hệ thống đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối:



Hình 2. Hình ảnh bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của dự án
Thuyết minh

- Giai đoạn 1: Ngăn 1 (Điều hòa, lắng, phân hủy sinh học)

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được thu gom và dẫn về bể tự hoại. Đầu tiên nước thải được chuyển vào ngăn 1 của bể, ngăn 1 thực hiện việc điều hòa nồng độ các chất trong nước thải, lắng các chất cặn xuống đáy ngăn đồng thời dưới tác động của vi sinh vật yếm khí, quá trình phân hủy được diễn ra, nồng độ các chất ô nhiễm: BOD, COD, N, P... được giảm đi đáng kể.

- Giai đoạn 2: Ngăn 2 (Lắng, phân hủy sinh học)

Nước thải sau khi được xử lý một phần tại ngăn 1 được chuyển qua ngăn 2. Tại đây các chất cặn được lắng xuống, các chất ô nhiễm tiếp tục được hệ vi sinh vật yếm khí phân hủy tiếp. Tiếp theo nước thải được chuyển sang ngăn 3.

- Giai đoạn 3: Ngăn 3 (Lắng)

Nước thải sau khi được lắng và xử lý yếm khí tại 2 ngăn 1 và ngăn 2 được chuyển sang ngăn 3 để lắng. Tại đây các cặn chất còn lại trong nước thải được lắng xuống đáy bể còn nước trong được thoát ra ngoài bể và theo hệ thống đường ống dẫn về hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN.

** Nước thải sản xuất:*

Với lượng nước thải sản xuất phát sinh là 72,899 m³/ ngày bao gồm nước thải phát sinh từ hoạt động thí nghiệm, công đoạn nhuộm, giặt, sấy và lò hơi. Nước thải phát sinh từ công đoạn nhuộm, giặt hóa chất có độ màu và thành phần các chất hữu cơ cao hơn so với nước thải phát sinh từ công đoạn giặt nóng, giặt lạnh và sấy. Nên việc xử lý cũng phức tạp và tốn kém hơn.

Vì vậy, để giảm thiểu tác động của nước thải sản xuất đến môi trường cũng như giảm gánh nặng xử lý cho Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối thì Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ KCN Việt Nam (Đơn vị cho thuê nhà xưởng) đã tiến hành xây dựng bể điều tiết lưu chứa nước thải sản xuất có thể tích khoảng 50m³ trước khi dự án đi vào hoạt động.

Nước thải sản xuất phát sinh tại dự án được dẫn về bể điều tiết, sau khi ổn định lưu lượng, nồng độ các thông số ô nhiễm và nhiệt độ nước thải giảm thì mới xả vào hệ thống ống thoát nước của nhà máy rồi dẫn ra điểm đầu nối nước thải của KCN dệt may Phố Nối.

4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh

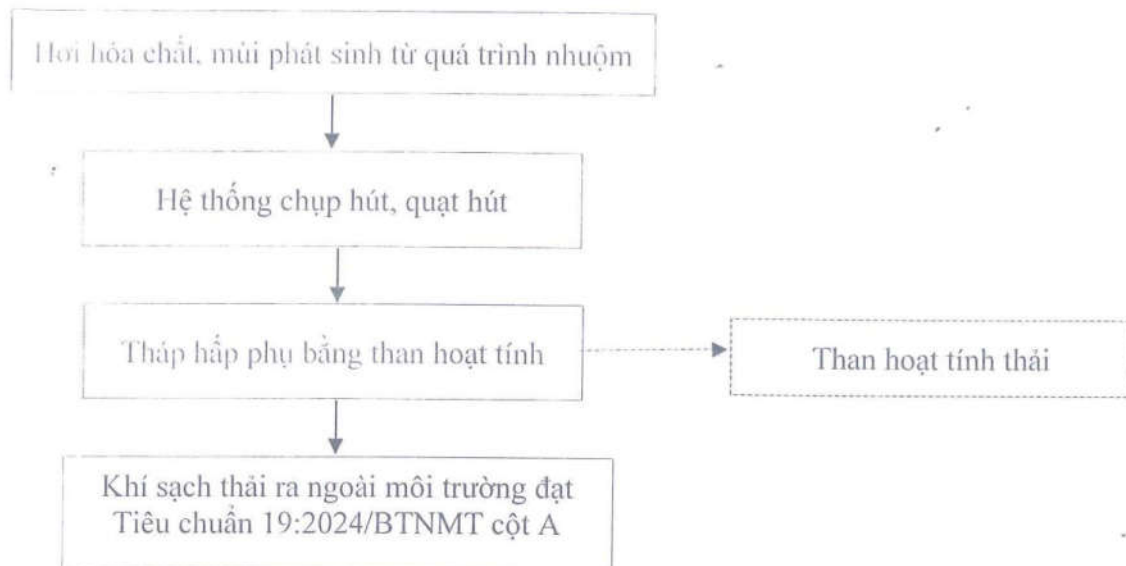
** Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông vận tải ra vào dự án*

Trong quá trình hoạt động thì nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông cơ giới thấp hơn nhiều so với quy định. Tuy nhiên để giảm thiểu tối đa tác động của bụi, khí thải phát sinh thì chủ dự án đã áp dụng các biện pháp sau:

- + Yêu cầu các xe vận chuyển được che đậy kín, đảm bảo không phát tán bụi vào môi trường không khí;
- + Yêu cầu các xe phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;
- + Đối với các phương tiện sử dụng nhiên liệu, chủ dự án sẽ lập nội quy ra vào dự án, hạn chế mức thấp nhất lượng xe ra vào, bố trí hợp lý các xe chuyên chở hàng hóa. Bố trí bãi đỗ xe rộng rãi, thoáng cho các xe ra vào dự án;
- + Thường xuyên vệ sinh sân đường để giảm thiểu bụi cuốn lên từ mặt đường vào không khí;
- + Trồng cây xanh cảnh quan trọng khu vực dự án nhằm giảm nhiệt độ, tăng diện tích che phủ thảm thực vật, chắn gió hạn chế tiếng ồn và giảm nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí.

** Giảm thiểu tác động của hơi hóa chất, mùi phát sinh từ quá trình nhuộm*

Để giảm thiểu tối đa tác động của hơi hóa chất, mùi phát sinh từ quá trình nhuộm đến môi trường sản xuất cũng như sức khỏe cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty thì chủ dự án đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi hóa chất, mùi phát sinh từ quá trình nhuộm với công suất xử lý 12.000 m³/h và quy trình công nghệ xử lý được trình bày chi tiết theo sơ đồ sau:



Hình 3: Sơ đồ công nghệ hệ thống thu gom và xử lý hơi hóa chất, mùi phát sinh từ quá trình nhuộm

Thuyết minh công nghệ:

Hơi hóa chất, mùi phát sinh từ quá trình nhuộm được hệ thống chụp hút, quạt hút của hệ thống thu gom lại rồi dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính, Tại tháp hấp phụ bằng than hoạt tính, dòng khí thải đi vào tháp từ khu vực đáy tháp sau đó di chuyển qua lớp vật liệu hấp phụ bằng than hoạt tính lên trên đỉnh tháp. Khi dòng khí thải chuyển qua lớp vật liệu hấp phụ bằng than hoạt tính thì lượng hơi hóa chất, mùi có trong khí thải được lớp than hoạt tính hấp phụ lại còn không khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua đầu ra ống thoát khí. Trong quá trình hoạt động, để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống thì định kỳ 1-2 tháng/lần công ty sẽ tiến hành thay thế lớp than hoạt tính trong tháp hấp phụ.

+ Ngoài ra, để giảm thiểu tối đa tác động của hơi hóa chất đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên thì chủ dự án cũng sẽ trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho nhân viên làm việc tại công đoạn pha thuốc nhuộm, nhuộm, sấy như: quần áo bảo hộ, mũ, găng tay, khẩu trang có màng lọc than hoạt tính ...

+ Dọn dẹp sạch sẽ khu vực làm việc sau mỗi ca sản xuất, áp dụng các biện pháp thông thoáng nhà xưởng.

** Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi:*

Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của lò hơi thì chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- Vận hành lò hơi theo đúng quy trình mà nhà sản xuất cung cấp:

+ Giữ cho lò hơi luôn vận hành ở chế độ đốt: Phải đảm bảo nhiên liệu cháy hoàn toàn. Nếu có nhiều khói đen thì phải cấp thêm gió vào lò để tăng sức hút. Nếu không nhìn rõ khói lên thì phải hạn chế cấp gió, giảm sức hút. Nếu như khói ra có màu xám là chế độ đốt tốt nhất. Nhiên liệu khi cho vào lò thì phải rải đều trên mặt ghi và cho vào từng lượng nhỏ để duy trì việc cháy đều trên mặt ghi. Việc cấp củi gỗ và cào xỉ thì phải nhanh chóng và sau đó đóng ngay cửa lò cho củi gỗ lại.

Xỉ được cào ra bằng cửa tro và cửa bụi. Việc cào xỉ được thực hiện theo chu kỳ và khi cào sẽ mở to lá chắn khói.

+ Đốt lò cho tới khi áp suất trong lò gần tương đương áp suất làm việc tối đa thì bắt đầu chuẩn bị cấp hơi. Trước khi cấp hơi mực nước nên để cao hơn mức

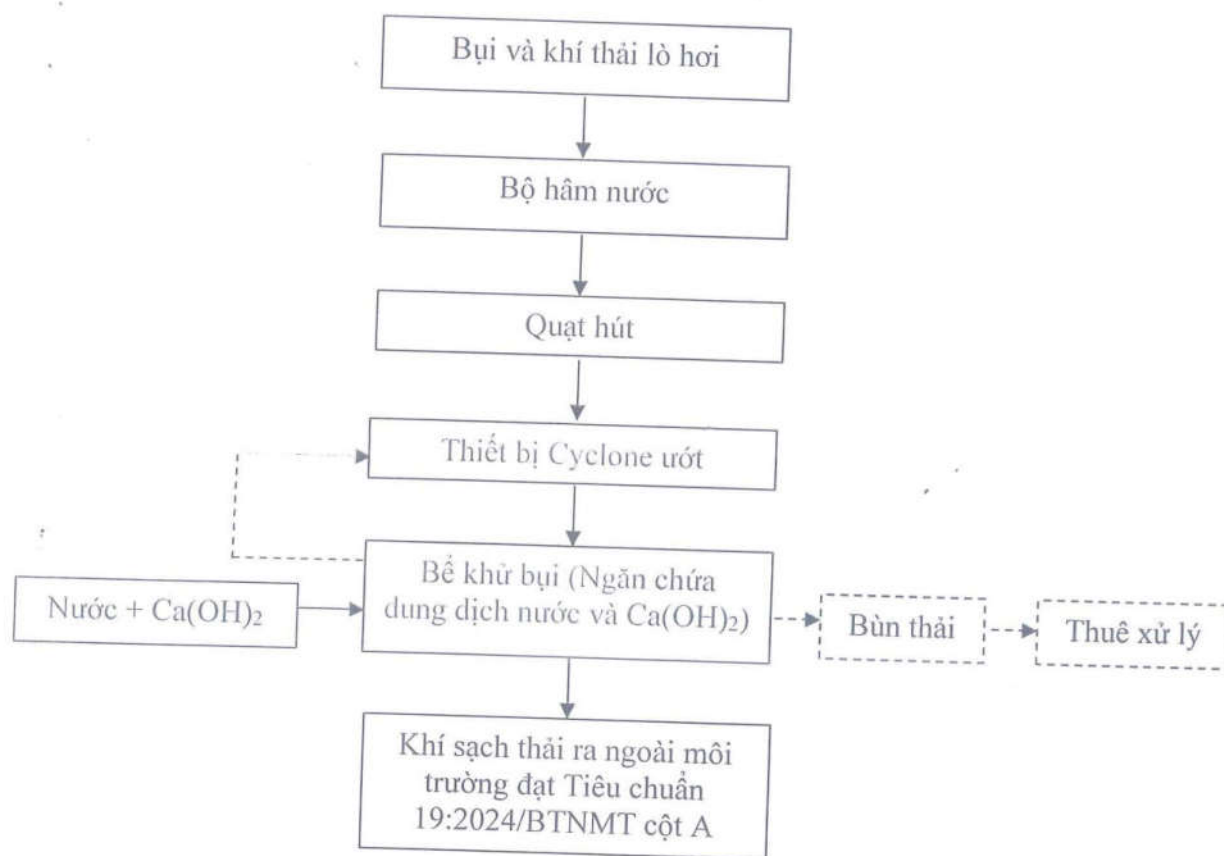
bình thường. Khi cấp hơi phải đảm bảo chế độ cháy phải ổn định.

+ Cấp hơi: Khi cấp hơi, phải mở từ từ van hơi chính để một lượng hơi nhỏ làm nóng đường ống dẫn hơi và xả hết nước đọng trên đường ống dẫn hơi vào khoảng 10 - 15 phút, trong thời gian này quan sát hiện tượng giãn nở ống và giá đỡ ống, nếu thấy bình thường thì mở van hơi chính hết cỡ để cấp hơi đi. Việc mở van hơi phải từ từ và nếu khi mở hết cỡ thì xoay ngược lại nửa vòng vô lăng van hơi lại.

Để tránh trường hợp hơi có lẫn nước ra thì nước cấp vào lò hơi phải từ từ, không nên cho mức nước trong lò cao quá mức bình thường theo ống thủy.

+ Cấp nước: Trong quá trình vận hành lò hơi phải giữ vững mực nước trong nồi hơi không nên để lò vận hành lâu ở mức thấp nhất hoặc mức cao nhất giới hạn.

- Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải lò hơi với công suất 10.000 m³/h theo sơ đồ sau:



Hình 4: Sơ đồ công nghệ hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 10.000 m³/h

Thuyết minh hệ thống:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình củi gỗ cấp nhiệt cho lò hơi sẽ được hệ

thống quạt hút hút lại, sau đó khí thải được dẫn qua bộ hâm nước. Bộ hâm nước có tác dụng giữ lại các hạt bụi, tro có kích thước lớn, đồng thời giảm nhiệt độ dòng khí trước khi đi vào thiết bị lọc bụi bằng Cyclone ướt. Tại thiết bị lọc bụi bằng Cyclone ướt, khí dòng bụi và khí thải đi vào bên trong thiết bị lọc bụi Cyclone. Tại đây, dòng khí chuyển động xoáy với tốc độ cao tạo ra lực ly tâm làm các hạt bụi có kích thước lớn và trung bình bị văng về thành thiết bị. Đồng thời, dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ từ bể khử bụi được bơm bơm lên Cyclone ướt qua hệ thống giàn phun mưa, khi các hạt bụi, khí thải tiếp xúc với các hạt sương dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ được các hạt sương dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ hấp thụ lại và chịu tác động của trọng lực rơi xuống dưới đáy tháp và về bể khử bụi. Dòng khí thải được di chuyển tiếp sang bể khử bụi, khi dòng khí thải đi vào bể khử bụi thì phần bụi còn lại có trong khí thải được hấp thụ qua bề mặt thoáng của bể khử bụi. Không khí sạch sau khi xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua đầu ra ống thoát khí.

Bể khử bụi được chia thành 02 ngăn gồm 01 ngăn lắng lọc dung dịch sau hấp thụ và 01 ngăn bổ sung vôi để sử dụng tuần hoàn. Ngăn lắng lọc có đáy sâu hơn ngăn bổ sung vôi 0,5 m tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lắng cặn. Lượng cặn trong ngăn lắng sẽ được vét định kỳ và thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo đúng quy định.

** Giảm thiểu tác động của mùi phát sinh từ quá trình lưu giữ chất thải:*

- Thường xuyên làm vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên dự án;
- Thu gom và lưu chứa rác thải sinh hoạt trong các thùng chứa rác kín, có nắp đậy để hạn chế mùi phát sinh, thuê đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và đem toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt đi xử lý để tránh hiện tượng rác thải để lâu ngày bị phân hủy tạo mùi khó chịu;

- Trồng cây xanh cảnh quan trong khu vực dự án nhằm giảm nhiệt độ, tăng diện tích che phủ thảm thực vật, chắn gió hạn chế tiếng ồn và giảm nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

4.3.1. Trong giai đoạn hoạt động

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án. Để giảm thiểu tác động của chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thì chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bố trí các thùng chứa rác sinh hoạt tạm thời có nắp đậy kín đặt tại các khu vực văn phòng, nhà ăn, xưởng sản xuất để lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt.

- Hàng ngày cho công nhân vệ sinh thu gom và vận chuyển lượng chất thải rắn sinh hoạt tại các thùng chứa tạm thời về 01 khu lưu giữ chất thải chung của dự án.

- Đối với bùn thải phát sinh từ bể tự hoại và hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động lò hơi được chủ dự án thuê các đơn vị có đủ chức năng đèn hút và đưa toàn bộ lượng bùn thải đi xử lý đảm bảo theo đúng quy định.

- Chủ dự án bố trí 01 khu lưu giữ chất thải chung với diện tích 20 m^2 để lưu giữ tạm thời toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án. Khu lưu giữ chất thải được chia thành hai ngăn. Trong đó, 01 ngăn (diện tích 10 m^2) dùng để lưu giữ chất thải rắn thông thường, 01 ngăn còn lại (diện tích 10 m^2) được dùng để lưu giữ chất thải nguy hại. Khu lưu giữ chất thải tập trung được thiết kế, xây dựng đảm bảo yêu cầu của khu lưu giữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ đến thu gom và vận chuyển toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại dự án đi xử lý theo đúng quy định.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh

4.4.1. Trong giai đoạn hoạt động

*** *Chất thải rắn công nghiệp thông thường***

Trong quá trình hoạt động của dự án thì chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu gồm: Bao bì giấy, thùng carton... phát sinh từ khu vực văn phòng, bao gói nguyên liệu, ... Để giảm thiểu tác động của chất thải rắn công

ng nghiệp thông thường phát sinh thì chủ dự án áp dụng các biện pháp:

- Cho công nhân vệ sinh hàng ngày thu gom vận chuyển toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh về khu lưu giữ chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án để lưu giữ tạm thời.

- Chủ dự án bố trí 01 khu lưu giữ chất thải chung với diện tích 20 m² để lưu giữ tạm thời toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án. Khu lưu giữ chất thải được chia thành hai ngăn. Trong đó, 01 ngăn (diện tích 10m²) dùng để lưu giữ chất thải rắn thông thường, 01 ngăn còn lại (diện tích 10m²) được dùng để lưu giữ chất thải nguy hại. Khu lưu giữ chất thải tập trung được thiết kế, xây dựng đảm bảo yêu cầu của khu lưu giữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ đến thu gom và đưa toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường đi xử lý theo đúng quy định.

*** *Chất thải nguy hại***

Trong quá trình hoạt động của dự án thì chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu bao gồm: Pin, ắc quy thải; Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải; Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải; Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau, găng tay dính dầu, giấy lọc...); Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải; Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; Các loại sập và mỡ thải; Bao bì mềm thải. Để giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại phát sinh thì chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Thu gom và lưu chứa các loại chất thải nguy hại các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng và riêng biệt đặt tại khu vực văn phòng, xưởng sản xuất. Hàng ngày cho công nhân vệ sinh vận chuyển toàn bộ lượng chất thải nguy hại về

khu lưu giữ chất thải tập trung để lưu giữ tạm thời.

- Chủ dự án bố trí 01 khu lưu giữ chất thải chung với diện tích 20 m² để lưu giữ tạm thời toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án. Khu lưu giữ chất thải được chia thành hai ngăn. Trong đó, 01 ngăn (diện tích 10m²) dùng để lưu giữ chất thải rắn thông thường, 01 ngăn còn lại (diện tích 10m²) được dùng để lưu giữ chất thải nguy hại. Khu lưu giữ chất thải tập trung được thiết kế, xây dựng đảm bảo yêu cầu của khu lưu giữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ đến vận chuyển và đưa toàn bộ lượng chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động của dự án, để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường thì chủ dự án cam kết:

- Trong giai đoạn vận hành của dự án

Chủ dự án cam kết thực hiện đúng các giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường được dự án đề ra, cụ thể:

+ Môi trường không khí: Chủ dự án cam kết đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân cũng như các cơ sở liên kề;

+ Nước thải: Chủ dự án cam kết thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án đảm bảo Tiêu chuẩn của KCN dệt may Phố Nối.

+ Chất thải rắn: Chủ dự án cam kết thu gom và thuê xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành 1 số điều của luật bảo vệ

môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

+ Chủ dự án cam kết tuân thủ đúng các quy định về môi trường và an toàn lao động do Nhà nước đặt ra;

+ Chủ dự án cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra sự cố và rủi ro môi trường do dự án gây ra.

+ Chủ dự án cam kết các nguyên liệu, hóa chất sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo đúng quy định hiện hành.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên tiếp nhận đăng ký môi trường của dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY CÔNG NGHIỆP HƯNG LONG”./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HƯNG
LONG HÀ NỘI**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HOÀNG TUẤN PHONG**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0901006631

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 02 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 17 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HUNG LONG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG LONG HA NOI THREAD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUNG LONG HN THREAD .,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 1 lô L5 - KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0903211358

Số Fax:

Thư điện tử: hai.nguyen@hunglongthread.com

Website: <http://hunglongthread.com>

3. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: HOÀNG TUẤN PHONG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 03/10/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân : 001090036720

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Số 02, ngõ 154, Phố Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



TRẦN VĂN THẮNG

Hung Yên, ngày 17 tháng 07 năm 2025

Số:



22339/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ trụ sở: Số 8 đường Chùa Chuông, Phường Hiến Nam, Thành phố Hưng yên,
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221 3863929

Số Fax: 0221 3550834

Thư điện tử: nvtuanq2k5@gmail.com

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HÙNG LONG HÀ NỘI

Mã số doanh nghiệp: 0901006631

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi Chi tiết: Sản xuất, nhuộm các loại chỉ, sợi và các phụ kiện, vật liệu phục vụ cho ngành dệt may	1311(Chính)
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Bán buôn hoá chất công nghiệp: Dầu silicone;- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;- Bán buôn chỉ sợi;	4669
4	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
5	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt	4751
6	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da	4771
7	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
8	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
9	Sản xuất sợi nhân tạo	2030

STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nhuộm chỉ, vải, sợi	3290
11	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
13	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
14	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
17	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
18	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép	4641

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký, thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): HOÀNG TUẤN PHONG Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 1 lô L5 - KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam Điện thoại: 0903211358 Fax: Email: hai.nguyen@hunglongthread.com
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 9

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HƯNG
LONG HÀ NỘI. Địa chỉ: Số 1 lô L5 -
KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường
Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

- Lưu: Nguyễn Văn Tuấn.....

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



TRẦN VĂN THẮNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ



SỐ: 16.1266.46.7.8.....

NGÀY CẤP: 24.13.2017.....

UBND TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7672664678

Chứng nhận lần đầu: Ngày 24 tháng 03 năm 2017

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do đại diện Công ty Cổ phần Chỉ may Hưng Long Hà Nội nộp ngày 22/3/2017,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HUNG LONG HÀ NỘI; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901006631 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 13/02/2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16/02/2017;
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Lô L5, KCN Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chính; Sinh ngày 15/4/1966; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh thư nhân dân: 024279751 do Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2004; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 190A, đường Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY CÔNG NGHIỆP HUNG LONG.
2. Mục tiêu dự án: Sản xuất các loại chỉ và sợi.
3. Quy mô dự án:
 - 3.1. Công suất thiết kế: 500 tấn sản phẩm/năm.
 - 3.2. Sản phẩm đầu ra: Các loại chỉ và sợi.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Thuê nhà xưởng số 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam; Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

5. Diện tích nhà xưởng sử dụng: 2.451 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau: Chủ đầu tư cam kết góp đủ 100% vốn góp bằng tiền mặt trong vòng 6 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 01/7/2027, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Thực hiện các thủ tục hành chính: Từ tháng 03/2017 đến tháng 07/2017;

- Lắp đặt máy móc, thiết bị: Từ tháng 08/2017 đến tháng 09/2017.

- Đưa dự án vào sản xuất chính thức: Từ tháng 10/2017.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Khoản 3 và 4 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư cho dự án như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

2. Ưu đãi về Thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật Đầu tư năm 2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư cho dự án như sau: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Thực hiện đầy đủ các nội dung, theo đúng tiến độ đầu tư đã đăng ký và cam kết; đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án đầu tư theo đăng ký.

- Tổ chức lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính Phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho Công ty Cổ phần Chi may Hưng Long Hà Nội và 01 (một) bản đăng ký tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

TRƯỞNG BAN



Phạm Thái Sơn

...TỈNH HƯNG YÊN

UBND TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 0164476507

Chứng nhận lần đầu: Ngày 08 tháng 03 năm 2017

Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: Ngày 09 tháng 11 năm 2017

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0164476507 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 08/3/2017; chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/6/2017;
- Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam nộp ngày 08/11/2017,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0164476507 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 08/03/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/6/2017.

Được đăng ký điều chỉnh diện tích đất sử dụng của dự án.

Nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900999088 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 05/10/2016;

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông TÔ VĂN THÀNH; Sinh ngày 11/12/1971; Dân tộc kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh thư nhân dân: 145471765 do công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/06/2007; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn Đại Tài, Xã Nghĩa Trụ, Huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Chức danh: Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ.

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất, nhà kho và văn phòng để cho thuê.

3. Quy mô dự án:

3.1. Diện tích cho thuê: 14.545,4 m²

3.2. Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến:

- Giai đoạn I: Nhà xưởng, nhà kho (1 tầng): 6.374,7 m²; Nhà văn phòng (2 tầng): 486 m² và một số công trình phụ trợ khác.

- Giai đoạn II: Nhà xưởng, nhà kho (1 tầng): 6.243 m²; Nhà văn phòng (2 tầng): 477,8 m² và một số công trình phụ trợ khác.

3.3. Sản phẩm đầu ra: Nhà xưởng, văn phòng, nhà kho.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất L5, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

5. Diện tích đất sử dụng: 20.674 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 90.000.000.000 (Chín mươi tỷ) đồng. Trong đó vốn góp để thực hiện dự án: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ) đồng, chiếm 22,22% tổng vốn đầu tư.

6.1. Giai đoạn I: 46.484.000.000 (Bốn mươi sáu tỷ bốn trăm tám mươi tư triệu) đồng.

6.2. Giai đoạn II: 43.516.000.000 (Bốn mươi ba tỷ năm trăm mười sáu triệu) đồng.

6.3. Tiến độ góp vốn: Chủ đầu tư đã góp đủ 100% vốn góp bằng tiền mặt để thực hiện dự án.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 06/10/2053.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Hoàn thành các thủ tục pháp lý: Từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2017.

- Xây dựng nhà xưởng, văn phòng giai đoạn I: Từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017.

- Xây dựng nhà xưởng, văn phòng giai đoạn II: Từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2018.

Điều 2: Ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Khoản 3 và 4 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày

26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư cho dự án như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Thực hiện đầy đủ các nội dung, theo đúng tiến độ đầu tư đã đăng ký và cam kết; đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án đầu tư theo đăng ký;

- Hướng dẫn, tổ chức cá nhân thuê nhà xưởng thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, môi trường, phòng cháy chữa cháy và các quy định của khu công nghiệp; chỉ được cho tổ chức, cá nhân vào thuê nhà xưởng thực hiện hoạt động sản xuất phù hợp với quy hoạch tính chất ngành nghề khu công nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Báo cáo bằng văn bản các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đã được xác nhận và chỉ được thực hiện các nội dung thay đổi sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung quy định về dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0164476507 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 08/03/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/6/2017.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam và 01 (một) bản đăng ký tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên. 

TRƯỞNG BAN



Phạm Thái Sơn

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Nhà máy sản xuất chỉ may công nghiệp Hưng Long
của Công ty Cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất chỉ may công nghiệp Hưng Long của Công ty Cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 440/BC-STNMT ngày 30/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy sản xuất chỉ may công nghiệp Hưng Long (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty Cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án:

- Mục tiêu: Sản xuất các loại chỉ và sợi.

- Quy mô: 500 tấn sản phẩm/năm.

- Địa điểm: Thuê nhà xưởng số 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ khu công nghiệp Việt Nam tại Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào.

- Diện tích nhà xưởng: 2.541 m².

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án và trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành:

- Xử lý sơ bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt quy định về nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường.

- Xử lý bụi, khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Khí thải đối với bụi và các chất vô cơ giá trị giới hạn B; xử lý khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT – Khí thải đối với một số chất hữu cơ; xử lý tiếng ồn, độ rung đảm bảo đạt QCVN

26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT; phải có thiết bị xử lý mùi đảm bảo không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

- Phải vận hành các công trình xử lý chất thải thường xuyên liên tục, đúng theo quy trình kỹ thuật và phải được thể hiện trong nhật ký vận hành, đảm bảo nước thải, khí thải sau thiết bị xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cho phép.

- Thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp, rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra.

- Nghiêm túc thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mỹ Hào; Giám đốc Công ty Cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thế Cử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

(SỐ: 01/2026/IĐTNX/ VSC-HL)

- Căn cứ Bộ luật dân sự 2015 của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015.
- Căn cứ Nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2026, tại KCN dệt may Phố Nối B, chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG (BÊN A): Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ khu công nghiệp Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, phường Đường/Hào, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0969158668/0989 102 369.

Mã số thuế: 0900999088.

Tài khoản số: 0591000136888 tại Ngân hàng VCB chi nhánh Hưng Yên

Đại diện: **Ông Hàn Ngọc Liêm** – Chức vụ: Giám đốc

BÊN THUÊ NHÀ XƯỞNG (BÊN B): Công ty cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội

Địa chỉ: Số 1, Lô 5 - KCN dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0962 247 247.

Mã số thuế: 0901006631.

Tài khoản số: 0761100020708 tại ngân hàng MB Chi nhánh Hoàn Kiếm.

Đại diện: **Ông Hoàng Tuấn Phong** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý thuê nhà xưởng số 1 có diện tích tích **2.414 m²** thuộc quyền sở hữu của bên A tại lô đất L5 của Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B. Nhà xưởng có chiều dài 84,7m x rộng 28,5m x cao đỉnh cột 8m, tường xây cao 3m, còn lại thưng tôn, mái tôn nhà xưởng có một lớp chống nóng, nền nhà xưởng là bê tông xi măng có đánh bóng sika màu xanh. Khu vực nhuộm, không thưng tôn mà có các song sắt để làm thoáng gió (theo bản vẽ và hình ảnh đi kèm)

1.2. Mục đích thuê: làm nhà máy sản xuất, nhuộm các loại chỉ, sợi và các phụ kiện, vật liệu ngành trong ngành dệt may

1.3. Về nước sạch, xử lý nước thải: Bên B sẽ ký hợp đồng mua bán nước sạch với đơn vị quản lý Khu công nghiệp là Công ty cổ phần PTHT dệt may Phố Nối.

1.4. Về xử lý nước thải: Bên B sẽ ký hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị quản lý Khu công nghiệp là Công ty cổ phần PTHT dệt may Phố Nối.

1.5. Về điện: Bên B sẽ ký hợp đồng với Công ty điện lực Hưng Yên về việc mua bán điện và tự xây dựng máy biến áp, đường dây điện để phục vụ sản xuất của mình

ĐIỀU 2: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

2.1. Thời hạn thuê: **10 năm 8 tháng** (từ 01/04/2026 đến 31/12/2036).

2.2. Chấm dứt trước hạn: Phải thông báo trước ít nhất 03 tháng.

2.3. Nếu thống nhất kết thúc trước hạn, Bên A trả lại tiền đặt cọc và Bên B được nhận lại trang thiết bị đã lắp đặt.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ ĐẶT CỌC

3.1. Giá thuê được tính theo 3 giai đoạn cụ thể :

3.1.1 Giai đoạn 1 (8 tháng) từ ngày 01/04/2026 đến hết ngày 31/12/2026 :

Giá thuê nhà xưởng (chưa bao gồm VAT) là: 2.2 USD/ m²/ tháng được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng. Tỷ giá quy đổi tính theo tỷ giá mua chuyển khoản (USD) của Ngân hàng Vietcombank ngày 16/03/2026 là 26.051vnd/USD tương ứng với 57.312 vnd/m², tức hàng tháng bên B phải trả bên A tổng số tiền thuê xưởng là: 152.186.285 vnd (Một trăm năm mươi hai triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng)

Trong đó số tiền thuê xưởng là: $2.414 \times 57.312 = 138.351.168$

thuế GTGT 10% là $= 13.835.117$

3.1.2 Giai đoạn 2 (5 năm) từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2031 :

Giá thuê nhà xưởng (chưa bao gồm VAT) là: 4.2 USD/ m²/ tháng. Mỗi đầu năm đơn giá này được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng, có giá trị tương đương với 4.2USD/m²/tháng tính theo tỷ giá mua tiền mặt của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm ký Phụ lục hợp đồng vào ngày 02 tháng 1 hàng năm. Trong trường hợp khách quan nào đó mà tại thời điểm ký kết lại Phụ lục hợp đồng không thể áp dụng theo tỷ giá mua tiền mặt của Ngân hàng Vietcombank thì 2 bên sẽ thỏa thuận tính theo ngân hàng khác, với điều kiện đơn giá thuê quy đổi ra tiền Việt nam đồng không

thấp hơn đơn giá của năm trước đó. Khi đó, hai bên sẽ ấn định tỷ giá ngân hàng đó sẽ thay thế tỷ giá ngân hàng Vietcombank.

3.1.3 Giai đoạn 3 (5 năm) từ ngày 01/01/2032 đến hết ngày 31/12/2036 :

Hai bên sẽ thống nhất lại Giá thuê nhà xưởng theo giá thị trường tại khoảng thời gian tháng 10 năm 2031 cho kỳ hạn 5 năm từ ngày 01/01/2032 đến hết ngày 31/12/2036

3.2 Phương thức thanh toán

Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên A chậm nhất là ngày 15 tháng kế tiếp.

3.3. Đặt cọc

Bên B sẽ đặt cọc cho Bên A số tiền là **1.600.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm triệu đồng) trong vòng 10 ngày kể từ khi 2 bên ký kết hợp đồng. Số tiền đặt cọc này sẽ được bên A giữ trong suốt thời gian thuê, không tính lãi suất. Vào ngày **31/12/2036**, bên A sẽ hoàn trả một lần cho bên B trong trường hợp không tiếp tục thuê nữa và sau khi bên B đã hoàn thành hết các nghĩa vụ tài chính với bên A và các nhà cung cấp khác có liên quan đến nhà xưởng như về tiền điện, tiền nước. Trường hợp bên B tiếp tục thuê nhà xưởng thì số tiền đặt cọc này sẽ tiếp tục được duy trì đến hết thời gian thuê xưởng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1. Quyền của bên A:

- a) Yêu cầu bên B thanh toán đủ tiền theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong hợp đồng;
- b) Trường hợp bên B không tiếp tục thuê nhà xưởng của bên A trong khoảng thời gian đã ký hợp đồng mà không báo trước 90 ngày thì bên A có quyền không trả bên B toàn bộ số tiền đặt cọc của bên B nêu ở khoản 3.2, điều 3 Hợp đồng này.
- c) Yêu cầu bên B bảo quản, sử dụng nhà xưởng, đúng mục đích, hợp pháp theo thỏa thuận trong hợp đồng;
- d) Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại hoặc sửa chữa phần hư hỏng do lỗi của bên B gây ra;
- e) Cải tạo, nâng cấp nhà xưởng, cho thuê khi được bên B đồng ý nhưng không được gây ảnh hưởng cho bên B;
- g) Yêu cầu bên B giao lại nhà xưởng khi hết thời hạn thuê;

4.2. Nghĩa vụ của bên A:

- a) Giao nhà xưởng cho bên B theo thỏa thuận trong hợp đồng và hướng dẫn bên B sử dụng nhà xưởng theo đúng công năng, thiết kế;
- b) Bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định nhà xưởng trong thời hạn thuê;
- c) Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên B thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, trừ trường hợp được bên B đồng ý chấm dứt hợp đồng; nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại tổn thất cho bên B .
- d) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- e) Kịp thời sửa chữa hư hỏng của nhà xưởng trong trường hợp hao mòn hư hỏng tự nhiên để không ảnh hưởng đến công việc sản xuất kinh doanh của bên B (Trừ trường hợp do lỗi bên B gây ra)

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1. Quyền của bên B

- a) Yêu cầu bên A giao nhà xưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng; có quyền yêu cầu bên A kịp thời tiến hành sửa chữa.
- b) Yêu cầu bên A cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về nhà xưởng. ;
- c) Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với bên A trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu;
- d) Yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại do lỗi của bên A gây ra;

e) 5.2. Nghĩa vụ của bên B

- a) Bảo quản, sử dụng nhà xưởng đúng công năng, thiết kế và thỏa thuận trong hợp đồng;
- b) Thanh toán đủ tiền thuê nhà xưởng theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Sửa chữa hư hỏng của nhà xưởng do lỗi của mình gây ra;
- d) Trả nhà xưởng cho bên A nguyên trạng ban đầu theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng;
- e) Không được thay đổi, cải tạo, phá dỡ nhà xưởng nếu không có sự đồng ý của bên A;
- f) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- g) Mua bảo hiểm phòng chống cháy nổ (tài sản của bên B) theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

h) Bên B cam kết chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ môi trường, PCCC... đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trong trường hợp vi phạm bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật và trước bên A, chịu mọi chi phí thiệt hại đền bù cho bên A.

i) Các nghĩa vụ khác trong hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

6.1. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng khi bên B có một trong các hành vi sau đây:

- a) Thanh toán tiền thuê nhà xưởng chậm 03 tháng trở lên so với thời điểm thanh toán tiền đã ghi trong hợp đồng mà không được sự chấp thuận của bên A;
- b) Sử dụng nhà xưởng không đúng mục đích thuê;
- c) Cố ý gây hư hỏng nghiêm trọng nhà xưởng thuê;
- d) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, đổi hoặc cho thuê lại nhà xưởng đang thuê mà không có thỏa thuận trong hợp đồng hoặc không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- e) Bên B không tuân thủ các cam kết trong Hợp đồng này.

6.2. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng khi bên A có một trong các hành vi sau đây:

- a) Không sửa chữa nhà xưởng, khi nhà xưởng không bảo đảm an toàn để sử dụng;
- b) Tăng giá thuê nhà xưởng bất hợp lý;

6.3. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng phải báo cho bên kia biết trước 03 tháng nếu không có thỏa thuận khác.

6.4 Các trường hợp các bên được miễn trách nhiệm khi các bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng:

- a) Mọi hình thức thiên tai hay tai nạn (thiệt hại bất khả kháng) gồm: động đất, sấm sét, lụt lội, hỏa hoạn, giông bão hay hiện tượng thời tiết có hại khác, ngoài tầm kiểm soát của các bên.
- b) Các xáo trộn về chính trị hay lao động, bao gồm: các hành động thu hồi đất của nhà nước, gây chiến, bạo động hay đình công, tác động đến việc sản xuất của Bên B

6.5 Bồi thường thiệt hại: Trong trường hợp Bên A tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn khi Bên B không vi phạm vào khoản 6.1 hay thuộc khoản miễn trách nhiệm của khoản 6.4 Điều 6

hợp đồng này thì Bên A phải bồi thường cho Bên B số tiền bằng 03 (ba) tháng tiền thuê nhà xưởng.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CHUNG

7.1. Bên A cam kết nhà xưởng cho thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không có tranh chấp về quyền sở hữu, không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của bên B (không thuộc diện bị thu hồi hoặc không bị giải tỏa); cam kết nhà xưởng đảm bảo chất lượng, an toàn cho bên B.

7.2. Bên B đã tìm hiểu kỹ các thông tin về nhà xưởng cho thuê.

7.3. Việc ký kết hợp đồng này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung nội dung của hợp đồng này thì các bên thỏa thuận lập thêm phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý như hợp đồng này.

7.4. Các bên cùng cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

7.5. Chậm nhất là ngày 20/09/2031, hai bên phải tiến hành đàm phán giá thuê cho giai đoạn 3 (2032-2036). Trường hợp đến hết ngày 30/09/2031, hai bên vẫn không thống nhất được giá thuê bằng văn bản, thì Hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt vào ngày 31/12/2031 mà không bên nào bị coi là vi phạm.

Trong trường hợp này:

- Bên B có trách nhiệm bàn giao lại mặt bằng nguyên trạng cho Bên A chậm nhất vào ngày 31/12/2031.
- Bên A sẽ hoàn trả 100% tiền đặt cọc cho Bên B ngay sau khi hoàn tất thủ tục bàn giao mặt bằng và khấu trừ các chi phí thiệt hại (nếu có).

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng này hoặc việc vi phạm hợp đồng sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, hợp tác. Nếu thương lượng không thành thì vụ việc sẽ được đưa ra tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng, án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

9.1 Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý từ ngày 01 tháng 04 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2036 trừ trường hợp chấm dứt trước hạn theo quy định tại Điều 7.5 của Hợp đồng này.

9.2 Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 (ba) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

HÀN NGỌC LIÊM



ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG TUẤN PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH
Số: ..39../2017/HĐKT-NS-ID

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ nhu cầu của bên mua và khả năng cung cấp của bên bán,

Hôm nay, ngày 07 tháng 06 năm 2017, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt may Phố Nối, chúng tôi gồm:

I. Bên cung cấp (bên A): Công ty CP phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0900234755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 05 năm 2014.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0321.3972520 Fax: 0321.3972540
- Tài khoản số: 12280909
- Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - chi nhánh Hưng Yên
- Đại diện: Ông Nguyễn Hải Hà Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

II. Bên sử dụng (bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HUNG LONG HÀ NỘI

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0901006631
- Trụ sở đăng ký tại : Số 1 Lô L5 KCN Dệt may phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : 04 2213 2222
- Người đại diện : Ông Nguyễn Mạnh Hải
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 01/2017/UQ HLHN ngày 18/02/2017 của Công ty CP chỉ may Hung Long Hà Nội.

Hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng cung ứng và sử dụng nước sạch theo các nội dung sau đây:

Điều 1: Bên A cung cấp nước sạch cho bên B sử dụng với các nội dung sau:

- Mục đích sử dụng: Để sản xuất, sinh hoạt.

- Địa điểm sử dụng: Tại Dự án nhà máy sản xuất chỉ may công nghiệp Hưng Long- Công ty CP chỉ may Hưng Long Hà Nội (nằm trong Công ty TNHH XD và Dịch vụ KCN Việt Nam).
- Chất lượng nước: Đảm bảo các chỉ tiêu cơ bản tại Tiêu chuẩn nước sinh hoạt của Việt Nam - Quy chuẩn số 01:2009/BYT ban hành theo Thông tư 04/2009/TT/BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế (có bảng phụ lục kèm theo).
- Thời gian: Theo nhu cầu, kế hoạch sản xuất của bên B (kể cả ngày lễ và chủ nhật) có sự phối hợp của hai bên để đảm bảo bên A cung ứng tốt nhất cho bên B.
- Địa điểm đầu nối: Phía ngoài hàng rào Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ KCN Việt Nam tại ngay sau điểm đầu nối, bên B phải lắp 01 van chặn và 01 đồng hồ đo lưu lượng nước sạch có hồ chứa bảo vệ. Quy cách hồ chứa van chặn và đồng hồ, chất lượng đồng hồ đo lưu lượng nước sạch như sau:
 - + Hồ chứa phải đảm bảo dễ dàng vận hành và tháo lắp khi cần sửa chữa.
 - + Van chặn và đồng hồ đo lưu lượng: Có chất lượng cao và được chứng nhận kiểm định của trung tâm đo lường Việt Nam (Không phải đồng hồ có xuất xứ Trung Quốc hoặc Đài Loan).
- Chi phí đầu nối: Toàn bộ chi phí cho điểm đầu nối do bên B chịu, bao gồm:
 - + Đường ống từ điểm đầu nối.
 - + Van chặn.
 - + Đồng hồ đo lưu lượng nước sạch.
 - + Các phụ kiện cần thiết để lắp đặt.

Điều 2: Đơn giá và phương thức thanh toán:

- Đơn giá: 10.200 đồng/m³ (Mười nghìn hai trăm đồng trên một mét khối) đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT và phí nước thải theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Đơn giá trên do bên A tính toán và sẽ được điều chỉnh tại từng thời điểm trên cơ sở các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sự thay đổi các yếu tố đầu vào để sản xuất nước sạch.
- Khi có quyết định chính thức về điều chỉnh giá nước sạch của cấp có thẩm quyền, bên A sẽ điều chỉnh lại giá bán và sẽ thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước ít nhất 30 ngày kể từ thời điểm áp dụng để hai bên thực hiện mà hai bên không cần phải ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh.
- Phương thức thanh toán:
 - + Vào các ngày cuối cùng hàng tháng, bên A lập biên bản xác nhận chỉ số đồng hồ đo nước. Căn cứ vào chỉ số đo đếm của đồng hồ để xác định lượng nước bên B đã tiêu thụ tháng đó, sau đó bên A lập hóa đơn và gửi cho bên B. Trường hợp ngày cuối cùng của tháng trùng vào ngày nghỉ (chủ nhật hoặc ngày lễ), bên A sẽ lập biên bản chốt chỉ số vào ngày trước ngày nghỉ đó.

+ Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn tài chính cùng bảng kê chỉ số nước tiêu thụ, bên B thanh toán bằng chuyển khoản (hoặc tiền mặt) vào tài khoản của bên A nêu trong hợp đồng này (mọi khoản phí liên quan đến việc chuyển tiền do bên B chịu). Nếu quá thời hạn trên bên B chưa thanh toán cho bên A, bên B sẽ phải chịu lãi suất trả chậm quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay 12 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu tại thời điểm tính phạt trên số tiền bên B còn nợ bên A. Quá 01 tháng thì chịu phạt bằng 150% lãi suất tính trên tổng số tiền cả nợ và lãi cộng dồn.

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên:

- Trách nhiệm của bên A:

- + Cung cấp đầy đủ nước sạch cho bên B như Điều 1.
- + Thông báo giá bán nước sạch thay đổi khi các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản ảnh hưởng tới giá bán nước sạch.
- + Thực hiện việc ghi chỉ số đồng hồ đo nước có sự chứng kiến của bên B, lập hóa đơn tiền nước và thu tiền nước theo khối lượng nước sử dụng của bên B.
- + Thường xuyên kiểm tra việc cung cấp nước sạch và đảm bảo chất lượng, lưu lượng nước cho bên B.
- + Lập biên bản khi đồng hồ đo lưu lượng mất kẹp chì, sai lệch vị trí lắp đặt ban đầu.
- + Cung cấp điểm đầu nối vào hệ thống mạng cấp nước chính của khu công nghiệp.
- + Cung cấp kết quả kiểm tra chất lượng nước định kỳ 02 lần/ năm.

- Trách nhiệm của bên B:

- + Khi bên B đầu nối vào mạng cấp nước phải có sự giám sát kỹ thuật và nghiệm thu kỹ thuật của bên A.
- + Gửi bên A kết quả kiểm định đồng hồ của đơn vị có chức năng
- + Không tự ý tháo gỡ kẹp chì của đồng hồ đo nước. Khi đồng hồ mất kẹp chì phải thông báo với bên A để lập biên bản tháo đồng hồ đi kiểm định, kẹp chì lại.
- + Khi đồng hồ hết thời hạn kiểm định theo quy định hiện hành (Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ), bên B có trách nhiệm kiểm định lại đồng hồ.
- + Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm định đồng hồ theo quy định do bên B chịu. Trong thời gian chờ kết quả kiểm định của đồng hồ, khối lượng nước sử dụng của bên B được tính như theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.
- + Bên B tạo điều kiện thuận lợi cho bên A trong công tác kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ việc cung cấp nước sạch về lưu lượng, áp lực, chất lượng nước và đồng hồ đo.

- + Bên B không được tự ý tháo lắp, di chuyển đồng hồ đo nước và sửa chữa, cải tạo, lắp đặt đường ống cấp nước trong phạm vi hồ đồng hồ cho đến điểm đầu nối vào đường trục cấp nước chung của Khu công nghiệp (Điểm cấp nước của bên A). Khi bên B có nhu cầu di chuyển vị trí đồng hồ đo nước, bên B phải thông báo cho bên A để di chuyển, cải tạo cho bên B. Toàn bộ chi phí cho việc di chuyển cải tạo đường ống cấp nước và đồng hồ đo bên B chịu.
- + Thông báo cho bên A sự cố đường ống cấp nước từ đồng hồ đến điểm đầu nối vào đường trục cấp nước chung của khu công nghiệp (bị thùng cháy trước đồng hồ đo nước) để bên A cử cán bộ kiểm tra, sửa chữa khắc phục kịp thời.
- + Toàn bộ thiết bị từ điểm đầu nối đến hố van, đồng hồ đo lưu lượng thuộc tài sản của bên B, bên B phải có trách nhiệm bảo vệ, bảo trì, và thay thế khi các thiết bị trên không đảm bảo hoạt động bình thường.
- + Sử dụng nước sạch đúng mục đích như Điều 1, thanh toán đầy đủ tiền nước đã sử dụng hàng tháng như Điều 2. Nếu quá 02 tháng bên B không thanh toán tiền nước đã sử dụng cho bên A, bên A sẽ tạm ngừng cấp nước cho đến khi bên B thanh toán xong số tiền nước còn nợ.
- + Khi bên B thay đổi mục đích sử dụng, hoặc khi nhu cầu sử dụng nước tăng trên 30% so với mức dùng trung bình phải thông báo cho bên A trước ít nhất 01 tháng.

Điều 4: Cách tính tiền nước khi có sự cố với đồng hồ đo.

Trong trường hợp khi bị sự cố hỏng đồng hồ, thất thoát nước do sự cố trong phạm vi từ điểm đầu nối đến trước đồng hồ đo nước, khối lượng nước sử dụng được xác định như sau:

Khối lượng nước sử dụng = (khối lượng nước sử dụng bình quân ngày) x (số ngày bị sự cố)

Khối lượng nước sử dụng bình quân ngày = (khối lượng nước sử dụng của tháng trước liền kề tháng bị sự cố)/(số ngày sử dụng trong tháng)

Điều 5: Ngừng cung cấp nước sạch

- Bên A ngừng thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch trong các trường hợp:
 - + Do Bên B vi phạm các điều khoản đã cam kết tại Hợp đồng này.
 - + Do Bên B vi phạm các nghĩa vụ thanh toán đối với Bên A được quy định trong các Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng khác mà hai bên đã ký kết, và bên A đã gửi công văn nhắc nhở về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán này nhưng bên B vẫn không khắc phục.
 - + Do yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Việc ngừng dịch vụ cấp nước được thực hiện:
 - + Ngay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- + Sau 01 ngày kể từ khi có thông báo của Bên A về việc ngừng dịch vụ cấp nước.
- Bên B phải chịu mọi thiệt hại phát sinh và phải trả các chi phí về việc đóng, mở nước (nếu có) khi Bên A ngừng cấp nước.

Điều 6: Giải quyết khi xảy ra tranh chấp

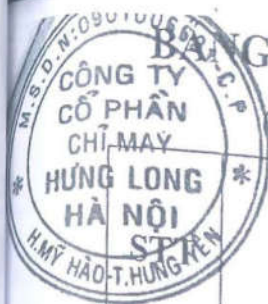
- Trong quá trình cung cấp và sử dụng nước sạch, tất cả các vấn đề sửa đổi nội dung hợp đồng kể cả việc chấm dứt hợp đồng phải được hai bên thống nhất bằng văn bản.
- Mọi mâu thuẫn, tranh chấp được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Hưng Yên giải quyết. Kết luận của tòa án là phán quyết cuối cùng. Bên thua kiện chịu mọi chi phí kiện tụng ra tòa.

Điều 7: Các điều khoản chung.

- Ngôn ngữ sử dụng của thỏa thuận này là tiếng Việt.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.
- Sau khi bên B thông báo ngừng không sử dụng nước và hoàn thành các nghĩa vụ thanh toán tiền nước đến thời điểm không sử dụng thì hợp đồng này coi như được thanh lý.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.


CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Hải Hà


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Hải



BẢNG PHỤ LỤC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

(Kèm theo Hợp đồng số: 39/HĐKT-NS-ID ngày 07/06/2016)

	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tiêu chuẩn (QCVN 01 2009/BYT)
1	Màu sắc		
2	Mùi vị	TCU	15
3	Độ đục	-	Không mùi vị lạ
4	pH	NTU	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO_3	-	6,5 – 8,5
6	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	300
7	Nhôm (Al)	mg/l	1000
8	Amoni (NH_4^+)	mg/l	0,2
9	Asen tổng số (As)	mg/l	3
10	Clorua (Cl^-)	mg/l	0,01
11	Crom tổng số (Cr)	mg/l	250
12	Florua (F^-)	mg/l	0,05
13	Hydro sunfur (H_2S)	mg/l	1,5
14	Sắt tổng số ($\text{Fe}^{2+} + \text{Fe}^{3+}$)	mg/l	0,05
15	Chì (Pb)	mg/l	0,3
16	Mangan tổng số (Mn)	mg/l	0,01
17	Thủy ngân tổng số (Hg)	mg/l	0,3
18	Nitrat (NO_3^-)	mg/l	0,001
19	Nitrit (NO_2^-)	mg/l	50
20	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	3
21	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	250
22	Ecoli	mg/l	2
		MPN/100ml	0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 2203/2026/HĐ.NA-CMHL

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 03 năm 2026, chúng tôi gồm:

1- BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HƯNG LONG HÀ NỘI

Địa chỉ văn phòng : Số 1 lô L5, KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại : 0903211358

Mã số thuế : 0901006631

Đại diện : Ông Hoàng Tuấn Phong Chức vụ : Tổng Giám Đốc

2- BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÂN ANH

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Đại Đồng, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại : 02213 665 666

Mã số thuế : 0900934267

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Trường Chức vụ : Giám đốc

Số tài khoản : 8668668888 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- Chi nhánh Bắc Hưng Yên

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên")

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất, thi công của Bên A theo danh mục và đơn giá xử lý như sau:

TT	LOẠI CHẤT THẢI	ĐƠN VỊ	MÃ CTNH	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	15.000.000
2	Mực in thải	Kg	08 02 01	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06	
5	Hộp chứa mực in thải	Kg	08 02 04	
6	Bao bì kim loại cứng thải	Kg	18 01 02	
7	Bao bì nhựa cứng thải	Kg	18 01 03	
8	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	
9	Cặn sơn, sơn và véc ni thải	Kg	08 01 01	
10	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	Kg	10 02 02	
11	Bộ lọc dầu	Kg	15 01 02	
12	Các loại sáp và mỡ thải	Kg	17 07 04	
13	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Kg	-	
14	Chất thải rắn sinh hoạt	Kg	-	

- Đơn giá khoán là 15.000.000VNĐ/01 năm là đơn giá chưa bao gồm thuế VAT. Định kỳ 01 năm bên B vận chuyển và xử lý 02 lần theo thời gian yêu cầu của bên A và mỗi 01 lần lượng chất thải phát sinh bên B xử lý cho bên A không quá 300kg. Trong trường hợp chất thải phát sinh vượt 300kg thì bên A sẽ phải chịu thêm chi phí bằng khối lượng vượt nhân với đơn giá 6.000VNĐ/kg (giá chưa bao gồm VAT). Nếu trong 01 năm hợp đồng bên A chuyển giao chất thải cho bên B dưới 02 lần thì bên A vẫn phải chịu mức phí khoán của hợp đồng này là 15.000.000VNĐ (giá chưa bao gồm VAT) coi như phí duy trì hợp đồng.

1.2. Khối lượng của từng loại chất thải theo biên bản bàn giao có xác nhận của hai bên theo từng chuyến, từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm Phụ lục Hợp đồng cho các loại chất thải phát sinh.
- 1.4. Khi có đề xuất thay đổi đơn giá Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất bằng các Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 2. ĐẶC TÍNH, ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- 2.1. Đặc tính chất thải: Chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt với đặc tính, trạng thái chi tiết tại Điều 1 mục 1.1 của hợp đồng này.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HUNG LONG HÀ NỘI
Địa điểm thu gom: Số 1 lô L5, KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- 2.3. Thời gian giao nhận: Chậm nhất 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên A hoặc theo lịch cố định mà hai bên đã thống nhất, bên B có trách nhiệm tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải.
- 2.4. Phương thức giao nhận: Khi giao nhận, hai bên sẽ cùng ký xác nhận khối lượng từng chủng loại chất thải trên biên bản giao nhận để lập biên bản nghiệm thu và viết hóa đơn.
- 2.5. Nhận công và phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

- a. Bên A thanh toán trước cho bên B số tiền là 16.200.000VNĐ (Mười sáu triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn) trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Sau mỗi lần bên B thu gom cho bên A mà chi phí vượt quá số tiền bên A thanh toán trước thì hai bên sẽ tiến hành làm biên bản nghiệm thu, quyết toán. Bên B xuất nốt hóa đơn cho số tiền chênh lệch còn lại. Bên A thanh toán nốt số tiền còn lại cho bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B nhận được hóa đơn tài chính.
- b. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA MỖI BÊN

- 4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A
 - a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi địa điểm giao nhận của Bên A.
 - b. Bên A hỗ trợ xe nâng cho bên B bốc xếp, nâng hàng lên phương tiện vận chuyển (nếu cần), bố trí người hướng dẫn các thủ tục xuất nhập trong nhà máy, khu công nghiệp để thuận lợi cho bên B ra, vào giao nhận hàng hóa.
 - c. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
 - d. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
 - e. Bên A có trách nhiệm phân định, phân loại chất thải, áp mã CTNH tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, đảm bảo thành phần chất thải công nghiệp nguy hại và chất

thải công nghiệp không nguy hại như đã thông báo với bên B. Bên A đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ nguồn thải theo quy định hiện hành.

- f. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.
- g. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
- h. Trong thời gian ký hợp đồng với bên B, bên A không được ký hợp đồng xử lý chất thải với bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- i. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình thực hiện công việc theo Hợp đồng này tại địa điểm giao nhận của Bên A.
- b. Tự chịu mọi trách nhiệm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải của mình (từ thời điểm mang chất thải ra khỏi nhà máy bên A) đối với cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba nếu có vấn đề phát sinh. Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo các quy định pháp luật của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành. Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra.
- c. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại: Giấy phép xử lý chất thải nguy hại; Giấy phép kinh doanh;... và các giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.
- d. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải nguy hại và chi phí cân điện tử (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.
- e. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
- f. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải nguy hại được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại của Bên B.
- g. Bên B phải đảm bảo sử dụng các phương tiện vận chuyển chất thải đáp ứng các yêu cầu quy định của pháp luật hiện hành.
- h. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.
- i. Cung cấp cho Bên A hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.

ĐIỀU 5. THỰC THI HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.
- 5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:

- a. Hết hạn hợp đồng

- b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
 - c. Bên A hoặc Bên B ngừng hoạt động kinh doanh hoặc phá sản.
 - d. Bên A hoặc Bên B có liên quan đến bất kỳ một vụ việc vi phạm pháp luật nào.
 - e. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.
- 5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2, trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

ĐIỀU 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 (ba mươi) ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

ĐIỀU 7. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2026 đến hết ngày 21 tháng 03 năm 2027.
- 7.2 Mọi sửa đổi, bổ sung vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi có sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.
- 7.3 Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 01 (một) bản).



TỔNG GIÁM ĐỐC
HOÀNG TUẤN PHONG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 264 /2025/ HĐ - XLNT

Hợp đồng xử lý nước thải (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được ký kết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bởi và giữa các bên có tên dưới đây (sau đây gọi chung là "**Các Bên**", và gọi riêng là "**Bên**");

1. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DỆT MAY PHỐ NỘI (sau đây gọi tắt là "Bên A")

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0900234755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 08 năm 2025.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Dệt may Phố Nội, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: 0221.3972520
- Tài khoản số: 12280909
- Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - chi nhánh Hưng Yên
- Người đại diện: Ông **Phan Tiến Dũng** - Tổng giám đốc theo giấy ủy quyền số 01/UQ-PTHT ngày 02/01/2025.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HƯNG LONG HÀ NỘI (Sau đây gọi tắt là "Bên B")

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0901006631
- Trụ sở đăng ký tại: Số 1 Lô L5 KCN Dệt may Phố Nội B, Phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: 0903 211 358
- Người đại diện: Ông **Hoàng Tuấn Phong**
- Chức vụ: Tổng giám đốc

Trên cơ sở thỏa thuận các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng, các bên thống nhất như sau:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

Theo yêu cầu của Bên B, Bên A nhận cung cấp dịch vụ xử lý nước thải do Bên B thải ra trong quá trình hoạt động sản xuất thông qua Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại Khu Công Nghiệp trước khi nước thải của Bên B được xả vào nguồn tiếp nhận ngoài Khu Công Nghiệp.

Điều 2: Chất lượng nước thải

Bên A xử lý nước thải cho Bên B đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (QCĐP 02: 2019/HY) với hệ số $K_f=K_q=0,9$; $K_{hy}=0,85$.

Điều 3: Thời hạn Hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký đến 31/12/2026.

(B)

Điều 4: Đơn giá.

4.1 Đơn giá năm 2026: **26.500 đồng/1m³ nước thải.**

(*Bằng chữ: Hai mươi sáu nghìn, năm trăm đồng chẵn trên một mét khối nước thải.*)

Đơn giá xử lý nước thải chưa bao gồm các loại thuế, phí BVMT đối với nước thải mà bên B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp Bên B có từ một thông số nước thải vượt định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 đính kèm Hợp đồng này thì Đơn giá này sẽ được tính tăng thêm phụ phí theo Điều 4.3 Hợp đồng này.

4.2 Đơn giá sẽ được điều chỉnh cho từng năm, mỗi lần điều chỉnh theo chỉ số lạm phát của Việt Nam nhưng không được vượt quá 15% đơn giá của giai đoạn trước đó. Khi Bên A điều chỉnh lại Đơn giá sẽ thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước ít nhất 30 ngày kể từ thời điểm áp dụng để hai bên thực hiện và Các bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc Hợp đồng để điều chỉnh.

Trong trường hợp có yếu tố khách quan dẫn tới cần điều chỉnh Đơn giá trong thời hạn của Hợp đồng này thì Bên A sẽ thông báo trước bên B như quy định tại Điều này để Các bên thương thảo và thống nhất trước khi thực hiện.

4.3 Phụ phí tính thêm áp dụng cho trường hợp Bên B có kết quả phân tích nước thải vượt Định mức tối đa từ một thông số trở lên theo Phụ lục số 01 Hợp đồng này (gọi tắt là Phụ phí tính thêm).

a. Phụ phí tính thêm được tính bằng Tổng số % phí tính thêm nhân với Đơn giá quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng này.

b. Tổng số % phí tính thêm được quy định như sau: Khi bên B có kết quả phân tích nước thải vượt Định mức tối đa quy định tại Phụ lục số 01 thì thông số nước thải đầu tiên được chọn để tính Tổng số % phí tính thêm vượt Định mức tối đa là thông số nước thải có số phần trăm (%) cao nhất theo quy định Phụ lục số 01. Sau đó, cứ mỗi thông số nước thải tiếp theo vượt từ 1,2 lần Định mức tối đa của Phụ lục số 01 thì sẽ cộng thêm 01 % (một phần trăm).

c. Đơn giá xử lý nước thải của Bên B khi tính thêm Phụ phí tính thêm (gọi tắt là Đơn giá có phụ phí) bao gồm: Đơn giá quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng này cộng với Phụ phí tính thêm và được tính theo công thức sau:

Đơn giá có phụ phí (P) = Đơn giá (p) + Phụ phí tính thêm (T)

Trong đó: Phụ phí tính thêm (T) = Đơn giá (p) x Tổng tỷ lệ vượt Định mức tối đa (v) của tháng.

Đơn giá có phụ phí sẽ áp dụng cho tổng khối lượng xả thải (theo biên bản chốt khối lượng hàng tháng giữa hai bên) của Bên B trong tháng có phát sinh thông số nước thải vượt Định mức tối đa theo quy định của Phụ lục số 01.

d. Việc lấy mẫu nước thải của Bên B để xác định các thông số vượt nêu tại Điều này sẽ do đơn vị thí nghiệm đó có năng lực được cơ quan Nhà nước công nhận và được Bên A chỉ định (Trung tâm quan trắc thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên hoặc Đơn vị tương đương). Vị trí lấy mẫu: tại cửa xả nước thải của bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải của bên A. Tần suất lấy mẫu tối đa không quá 03 lần/tháng.

Thời điểm lấy mẫu sẽ do Bên A thông báo theo kế hoạch hoặc có thể lấy mẫu đột xuất theo yêu cầu của bên A.

Điều 5: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của mỗi tháng được tính theo quy định của pháp luật, hiện tại phí được tính theo Nghị định 53/2020/NĐ – CP (áp dụng QCDP 02: 2019/HY), cụ thể:

Phí bảo vệ môi trường (F) = Phí biến đổi (C) + Phí cố định (f)

Trong đó: $C = \text{Tổng lượng nước thải} * (51,67 * 2000 + 34,43 * 2400 + 2 * 10^6 * 0,0405) * 10^{-3}$
 $= \text{Tổng lượng nước thải} * 267 \text{ đồng}$

$f = 334.000 \text{ đồng} / \text{tổng số doanh nghiệp.}$

Trường hợp quy định của Nhà nước và/ hoặc Chính phủ về cách tính phí BVMT có sự thay đổi thì phí BVMT được áp dụng theo quy định tại từng thời điểm do Nhà nước và/ hoặc Chính phủ ban hành.

Hàng tháng trên cơ sở chốt tổng lượng nước thải, bên A sẽ gửi thông báo để bên B thanh toán phí bảo vệ môi trường. Bên A sẽ xuất phiếu thu hoặc hóa đơn cho khoản tiền phí BVMT mà Bên B đã thanh toán.

Điều 6: Hình thức thanh toán

6.1 Hình thức thanh toán:

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bên B nhận được hoá đơn tài chính cùng bảng kê chỉ số nước thải, tiền phí BVMT của Bên A, bên B thanh toán 100% bằng chuyển khoản (hoặc tiền mặt) vào tài khoản của bên A nêu trong hợp đồng này. (Mọi khoản phí liên quan đến việc chuyển tiền do bên B chịu).

Nếu quá 90 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A có quyền dừng tiếp nhận nước thải của Bên B. Khi Bên B thanh toán đầy đủ tiền xử lý nước thải, phí BVMT, các khoản phạt chậm thanh toán và phí đóng/mở cửa xả thải theo thông báo nộp tiền của Bên A thì Bên A mới tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B.

6.2 Phạt chậm thanh toán:

- a. Trong trường hợp Bên B chậm thanh toán cho Bên A theo tiến độ thanh toán được quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ bị áp dụng mức phạt như sau: Chậm từ 01 tháng trở lên áp dụng 150% lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á châu - Chi nhánh Hưng Yên tương ứng với số tiền thực chậm và thời gian thực chậm.
- b. Khi Các bên chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này thì Bên B phải có nghĩa vụ thanh toán đúng hạn các khoản chưa thanh toán cho bên A. Trường hợp Bên B chậm thanh toán các khoản thanh toán này thì phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điểm a Điều 6.2 Hợp đồng này.

Điều 7: Cách tính khối lượng nước thải.

- 7.1 Trường hợp chưa có đồng hồ đo: lượng nước thải của Bên B được tính bằng 90% lượng nước sạch Bên B sử dụng làm cơ sở để thanh toán và đóng phí BVMT.

- Khi bên B lắp đặt đồng hồ phải được Bên A chấp thuận phương án đầu nối trước khi thực hiện.
- 7.2 Trường hợp đã có đồng hồ đo:
- Lượng nước thải Bên B thải ra được tính theo chỉ số đo đếm của đồng hồ khi bên B lắp đồng hồ đo nước thải. Căn cứ vào chỉ số đo đếm của đồng hồ đo nước thải vào ngày cuối hàng tháng bên A sẽ cùng cán bộ bên B lập biên bản chốt số để làm cơ sở thanh toán và đóng phí BVMT đối với nước thải.
Nếu lượng nước thải trong một tháng theo đồng hồ không đạt mức tương đương tối thiểu 90% lượng nước sạch Bên B đã sử dụng thì lượng nước thải của Bên B được tính theo 90% lượng nước sạch sử dụng mà không tính theo chỉ số đồng hồ đo.
Nếu lượng nước thải phát sinh theo đồng hồ vượt quá 90% lượng nước sạch thì tính theo chỉ số đồng hồ đo.
 - Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào mà đồng hồ đo lưu lượng xử lý nước thải không hoạt động, lượng nước thải trong những ngày đó được tính bằng 90% lượng nước sạch sử dụng trong thời gian đó.

Điều 8: Quyền và Trách nhiệm của Bên A:

- Đảm bảo đúng chất lượng, kỹ thuật trong quá trình xử lý. Bên A sẽ chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước thải đã qua xử lý của Bên A.
- Định kỳ 03 tháng/lần sẽ cung cấp cho Bên B bảng đánh giá các chỉ tiêu chất lượng nước thải sau xử lý do đơn vị có chức năng xác nhận.
- Nộp tiền phí BVMT đối với nước thải theo quy định tại Hợp đồng này.
- Bên A có quyền tổ chức kiểm tra đột xuất việc xả nước thải của Bên B vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu Công Nghiệp; Kiểm tra đồng hồ đo lưu lượng nước sạch và nước thải, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm mà không cần báo trước cho Bên B.
- Ngưng tiếp nhận nước thải, ngưng cấp nước sạch nếu Bên B vi phạm hợp đồng mà hai Bên không thương lượng giải quyết được.
- Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh đối với hành vi vi phạm các quy định về xử lý và xả nước thải của Bên B.
- Trường hợp tạm ngừng dịch vụ xử lý nước thải để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải, hoặc khi có sự cố xảy ra cho hệ thống xử lý nước thải của Khu Công Nghiệp, Bên A phải có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ và cố gắng khắc phục trong thời gian sớm nhất.
- Bên A chịu chi phí phân tích nước thải đối với:
 - Các mẫu nước thải đầu ra của bên B thấp hơn hoặc bằng Định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 Hợp đồng này do Đơn vị thí nghiệm nêu tại Điều 4.3 khoản d Hợp đồng này thực hiện;
 - Các mẫu nước thải đầu ra của Bên B mà Bên A tự lấy mẫu và tự phân tích.

Điều 9: Quyền và Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện biện pháp xử lý nước thải sơ bộ trước khi xả vào hệ thống nước thải

của Bên A. Bên B đảm bảo nước thải đầu ra của bên B trước khi thải vào hệ thống bên A phải thấp hơn hoặc bằng định mức tối đa của các thông số theo Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này, không có kim loại và chất thải rắn: rác, túi nilon, đất cát...

- 9.2 Phải tạo điều kiện để cán bộ nhân viên của Bên A quan trắc, lấy mẫu và đo lượng nước thải đầu ra của doanh nghiệp. Bên B có trách nhiệm cử cán bộ phụ trách ký xác nhận vào Biên bản lấy mẫu hoặc Phiếu phân tích nồng độ nước thải đầu ra của Bên B do bên A thực hiện hoặc do Đơn vị có chức năng mà bên A chỉ định thực hiện. Trường hợp, Bên B không cử người ký xác nhận, hoặc cử người nhưng không ký xác nhận thì mặc nhiên bên B đồng ý và chịu trách nhiệm đối với kết quả thí nghiệm cho các mẫu thí nghiệm này.
- 9.3 Bên B phải đảm bảo cho cán bộ nhân viên của bên A kiểm tra đột xuất việc xả nước thải, nước mưa và đồng hồ đo của Bên B. Trường hợp vì bất cứ lý do gì mà Bên A không thực hiện được việc kiểm tra thì bên A sẽ dừng dịch vụ xử lý nước thải, nước cấp cho bên B.
- 9.4 Đầu nối hệ thống thoát nước thải của Bên B vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công Nghiệp theo đúng các quy định đầu nối, phải tách rời hoàn toàn 2 hệ thống nước mưa và nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải của bên B đều được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công Nghiệp.
- 9.5 Không được cho đơn vị khác đầu nối chung hệ thống thoát nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Trong trường hợp Bên B cho doanh nghiệp khác thuê nhà xưởng hoặc trường hợp thuê lại nhà xưởng trong phạm vi Lô đất của Bên B thì doanh nghiệp đó phải ký Hợp đồng xử lý nước thải với Bên A và thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN theo quy định bởi Bên A.
- 9.6 Bên B phải tự trang bị đồng hồ đo lưu lượng nước thải; đồng hồ này phải được cơ quan có chức năng kiểm định chất lượng trước khi lắp đặt, vị trí lắp đặt phải đúng với quy định của Khu Công Nghiệp; trong quá trình sử dụng Bên B có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra và bảo trì định kỳ theo quy định bảo đảm đồng hồ vận hành chính xác và liên tục. Trong trường hợp đồng hồ vận hành không chính xác hoặc không vận hành do hư hỏng Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A và có trách nhiệm khắc phục trong thời gian sớm nhất.
- 9.7 Bên B tạo điều kiện để cán bộ của Bên A kiểm tra đồng hồ đo nước thải (tối đa 3 lần/tuần).
- 9.8 Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công Nghiệp.
- 9.9 Định kỳ 02 lần/năm, vào khoảng các ngày từ 20/6 đến 30/6 và từ 20/12 đến 31/12 hàng năm, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A về kế hoạch sản xuất, lượng nước thải dự kiến phát sinh của giai đoạn tiếp theo để bên A có kế hoạch sản xuất hợp lý tránh ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong KCN. Trường hợp, không thông báo thì mặc nhiên được hiểu nhu cầu của bên B không thay đổi so với thông báo mà Bên B đã đăng ký trước đó, và bên A không chịu

trách nhiệm xử lý đối với phần khối lượng phát sinh lớn hơn giá trị này.

- 9.10 Nếu bên B có thay đổi về kế hoạch sản xuất vượt hơn 20% so với thiết kế ban đầu hoặc so với thông báo định kỳ hàng năm theo quy định tại mục 9.9 mà không báo trước cho bên A trước 03 tháng thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm với lượng nước thải phát sinh này.
- 9.11 Bên B phải chịu chi phí phân tích nước thải đối với các mẫu nước thải đầu ra của bên B vượt Định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 Hợp đồng này do Đơn vị thí nghiệm nêu tại Điều 4.3 khoản d Hợp đồng này thực hiện.
- 9.12 Thông báo kết quả quan trắc định kỳ môi trường nước thải cho bên A theo quy định của pháp luật.
- 9.13 Bên B có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát nước thải trong hệ thống nội bộ của Bên B trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A, nếu phát hiện có màu đỏ, tím, hồng thì phải thông báo ngay cho Bên A biết để Bên A có kế hoạch xử lý.

Điều 10: Dừng tiếp nhận xử lý nước thải.

- 10.1 Bên A dừng tiếp nhận xử lý nước thải kèm theo dừng cung cấp nước sạch (nếu có) và thông báo trước cho bên B trong các trường hợp sau :
- a. Bên B vi phạm một trong các điều khoản tại Hợp đồng này.
 - b. Bên B xả thải vượt ngưỡng 20% từ một thông số trở lên quy định tại Phụ lục 01 Hợp đồng này.
 - c. Bên B vi phạm các nghĩa vụ thanh toán đối với Bên A được quy định trong các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng khác mà hai bên đã ký kết.
 - d. Tổ chức, cá nhân đã thuê lại đất từ bên A để xây dựng nhà xưởng cho bên B thuê (sau đây gọi tắt là Đơn vị cho thuê nhà xưởng) vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bên A được quy định trong các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng giữa Bên A và Đơn vị cho thuê nhà xưởng.
 - e. Theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền
 - f. Các trường hợp khác theo quy định Hợp đồng này.
- 10.2 Bên A dừng ngay việc tiếp nhận dịch vụ xử lý nước thải mà không cần thông báo trước cho bên B kèm theo việc dừng cung cấp nước sạch (nếu có) trong các trường hợp sau:
- a. Khi Bên B để nước thải hoặc xả nước thải có chất thải rắn (túi ni lông, rác, nắp can, vại, chổi, đá giặt mài...) dầu, nhớt, hóa chất độc hại vào hệ thống thu gom nước thải hoặc nước mưa của bên A.
 - b. Bên A phát hiện Bên B xả thải trực tiếp ra môi trường mà không qua hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
 - c. Khi Bên B để xảy ra sự cố liên quan bên trong nhà máy của Bên B và có nguy cơ ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
 - d. Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 10.3 Bên B phải chịu mọi trách nhiệm phát sinh và phải trả các chi phí về việc đóng, mở cửa xả nước thải, đóng mở van cấp nước cấp (nếu có) khi Bên A dừng xử lý nước thải, nước cấp (nếu có) trong các trường hợp nêu tại Điều 10.1 và Điều 10.2 Hợp đồng này. Chi phí cho mỗi lần đóng và mở cửa xả thải, van cấp nước (nếu có) bằng chi phí xử lý 100 m³ nước thải (chưa VAT) tại thời điểm mở cửa

xả thải. Bên B có trách nhiệm thanh toán trước cho bên A hoặc nhà thầu của Bên A trước khi bên A mở cửa xả thải.

- 10.4 Khi lý do dừng tiếp nhận xử lý nước thải không còn và Bên B đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong thời hạn được quy định bởi Bên A thì Bên A tiếp tục xử lý nước thải cho Bên B.

Điều 11: Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

- 11.1 Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Các bên;
- 11.2 Hợp đồng thuê lại đất giữa Các bên chấm dứt trước thời hạn hoặc hết hạn mà không có sự thỏa thuận nào khác giữa các Bên;
- 11.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và/ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B hết hạn hoặc bị thu hồi trước thời hạn;
- 11.4 Bên B vi phạm các quy định tại Hợp đồng này mà đã bị Bên A dừng xử lý nước thải nhưng vẫn không khắc phục hoặc tiếp tục vi phạm.
- 11.5 Theo quy định khác của Hợp đồng này hoặc quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 12: Giải quyết tranh chấp:

- 12.1 Một tranh chấp được xem như nảy sinh giữa Các Bên khi một Bên nhận được thông báo về sự kiện tranh chấp từ phía Bên còn lại. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về sự kiện tranh chấp, Các Bên sẽ nỗ lực giải quyết tranh chấp này trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.
- 12.2 Bất kỳ tranh chấp nào không giải quyết được bằng nỗ lực hòa giải trong thời hạn 30 ngày như được nêu ở trên sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hưng Yên.

Điều 13: Trường hợp Bất khả kháng

Không bên nào phải chịu trách nhiệm về sự chậm trễ hay không thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng này do trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh, giới hạn của chính phủ hay tòa án, bãi công, bạo động, chiến tranh, thiên tai hay những nguyên nhân tương tự ngoài sự kiểm soát của các bên và không thể cứu chữa được trong một khoảng thời gian nhất định bằng những nỗ lực nhất định. Nếu một bên dựa vào trường hợp bất khả kháng để không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong Hợp đồng này, bên đó phải cung cấp một bản tường trình cho bên kia biết về sự kiện bất khả kháng. Trong thời gian diễn ra trường hợp bất khả kháng, các bên vẫn tiếp tục thực hiện những nghĩa vụ có thể thực hiện được trong Hợp đồng này.

Điều 14: Điều khoản chung

- 14.1 Hợp đồng này sẽ được thực thi và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ vấn đề nào chưa được thỏa thuận và đưa vào Hợp đồng này sẽ được áp dụng và giải quyết theo các quy định tương ứng của Pháp luật Việt Nam.
- 14.2 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng. Mọi sự thay đổi điều chỉnh phải được sự đồng ý của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

- 14.3 Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục Hợp đồng.
- 14.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế hoàn toàn mọi Hợp đồng, thỏa thuận đã ký trước đây giữa hai bên liên quan đến Đối tượng của Hợp đồng này. Hợp đồng được lập thành 06 bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để cùng theo dõi và thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Liên Dũng



TỔNG GIÁM ĐỐC
HOÀNG TUẤN PHONG

Phụ lục số 01

của Hợp đồng số 261 /2025/HĐ-XLNT ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Thông số	Đơn vị	Định mức tối đa	Giá trị quan trắc của các thông số nước thải so với Định mức tối đa			
				Từ 1,2 lần đến dưới 1,5 lần	Từ 1,5 lần đến dưới 3 lần	Từ 3 lần đến dưới 5 lần	Từ 5 lần trở lên
				% phí tính thêm vào đơn giá xử lý nước thải hàng tháng của thông số vượt Định mức tối đa			
1	Tss	mg/l	300	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
2	Sunfua	mg/l	1	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
3	Coliform	MPN/100 ml	6.000	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
4	BOD ₅	mg/l	250	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
5	Xyanua	mg/l	0,1	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
6	pH		5-9	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
7	Nhiệt độ	°C	40	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
8	Tổng Nitơ	mg/l	60	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
9	Clo dư	mg/l	0,81	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
10	Clorua	mg/l	400	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
11	COD	mg/l	800	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
12	Độ màu	Pt-Co	750	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 06/CV-VSC ngày 08/8/2017 của Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ khu công nghiệp Việt Nam.

Người đại diện là ông: Tô Văn Thành Chức danh: Giám đốc

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

Địa điểm xây dựng: Lô L5, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ khu công nghiệp Việt Nam.

Đơn vị thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn công nghệ Thành An.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Quy mô (01 nhà xưởng, kho, văn phòng 1 tầng có diện tích 2.450 m²; 03 nhà xưởng, kho 1 tầng, văn phòng 2 tầng có diện tích lần lượt là 4.515 m², 2.337 m², 4.656 m² và các hạng mục phụ trợ khác), hạng sản xuất, bậc chịu lửa, tính chất nguy hiểm cháy, nổ;
- Tổng mặt bằng, giao thông, khoảng cách an toàn PCCC, thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, ngoài nhà và chữa cháy tự động sprinkler;
- Hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố;
- Trang bị bình chữa cháy xách tay... theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- C66 - Bộ Công an;
- Chủ đầu tư;
- Lưu PC66.

Hưng Yên, ngày 22 tháng 9 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 9/ĐT Quyền số: 01/2024-SCTĐT/BS

Ngày 14 tháng 06 năm 2024



QUYỀN CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Phượng



Thiếu tá Trần Công Quyền

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

Số: 118 /PC07

Hưng Yên, ngày 23 tháng 11 năm 2020

V/v nghiệm thu về
phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH xây dựng dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam.

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
 - Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
 - Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014;
 - Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 182/TĐ-PCCC ngày 12/9/2017 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) Công an tỉnh Hưng Yên;
 - Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 21/3/2018 và ngày 05/11/2020 của Công ty TNHH xây dựng dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam.
 - Căn cứ biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên và các bên liên quan lập ngày 23/3/2018 và ngày 20/11/2020;
- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Nhà xưởng, văn phòng cho thuê giai đoạn 1 thuộc Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ KCN Việt Nam với các nội dung sau:
- Quy mô công trình: Nhà xưởng số 1 có diện tích 2.391m², nhà xưởng số 2 có diện tích 4.193m², văn phòng số 3 cao 02 tầng có diện tích 294m²/tầng và văn phòng số 4 có diện tích 277m².

Chủ đầu tư: Công ty TNHH xây dựng dịch vụ Khu công nghiệp Việt Nam.

Người đại diện: Ông Tô Văn Thành; Chức vụ: Giám đốc.

Địa điểm xây dựng: KCN dệt may Phố Nối B, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Trường An.

Đơn vị thi công PCCC: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và PCCC Hưng Yên.

Nội dung được nghiệm thu:

1. Bố trí mặt bằng tổng thể và mặt bằng bên trong hạng mục công trình.
2. Đường giao thông phục vụ công tác chữa cháy.
3. Khoảng cách an toàn PCCC.
4. Giải pháp thoát nạn.
5. Hệ thống báo cháy tự động.

6. Hệ thống chữa cháy bằng nước (trong nhà, ngoài nhà và chữa cháy tự động Sprinkler).

7. Phương tiện chữa cháy ban đầu.

Các yêu cầu kèm theo:

- Tổ chức thực hiện và duy trì đảm bảo các điều kiện an toàn về PCCC tại cơ sở theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

- Phối hợp đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị thuê nhà xưởng lập hồ sơ thiết kế bổ sung các giải pháp về PCCC phù hợp với công năng, tính chất sản xuất trình Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên thẩm duyệt về PCCC theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục C07;
- Công an thị xã Mỹ Hào;
- Đội Công tác phòng cháy;
- Lưu: TM^C.

TRƯỞNG PHÒNG



Trung tá Trần Công Quyền

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 6/ĐT Quyền số: 01/2024-SCTĐT/BS

Ngày 14 tháng 06 năm 2024



QUYỀN CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Phượng



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-025

Địa chỉ (Address): Số 308 đường Nguyễn Văn Linh - phường Phố Hiến - tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Hưng Yên – CN Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 0591001784106 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Hưng Yên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 04 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPH

Số (No): 177700

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0901006631

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 1 Lô L5 - KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA23MV0047296

Số tài khoản (Account No): 46610001230708 Tại BIDV

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2026 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 15/04/2026	kWh	47.040	-	113.510.400
	(kèm theo bảng kê số 1753641639 ngày 16 tháng 04 năm 2026)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					113.510.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.080.832
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			122.591.232
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN -
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN
BẮC
Ngày ký: 16/ 04/ 2026 13:16:55



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-025

Địa chỉ (Address): Số 308 đường Nguyễn Văn Linh - phường Phổ Hiến - tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Hưng Yên – CN Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 0591001784106 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Hưng Yên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 04 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPH

Số (No): 177700

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0901006631

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 1 Lô L5 - KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA23MV0047296

Số tài khoản (Account No): 46610001230708 Tại BIDV

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2026 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 15/04/2026	kWh	47.040	-	113.510.400
	(kèm theo bảng kê số 1753641639 ngày 16 tháng 04 năm 2026)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					113.510.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.080.832
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			122.591.232
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN -
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN
BẮC
Ngày ký: 16/04/2026 13:16:55



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-025

Địa chỉ (Address): Số 308 đường Nguyễn Văn Linh - phường Phố Hiến - tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Hưng Yên – CN Tổng công ty Điện lực miền Bắc - Số TK: 0591001784106 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Hưng Yên



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPH

Số (No): 222078

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty cổ phần chỉ may Hưng Long Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0901006631

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 1 Lô L5 - KCN dệt may Phố Nối B, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA23MV0047296

Số tài khoản (Account No): 46610001230708 Tại BIDV

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

SJT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2026 từ ngày 16/04/2026 đến ngày 30/04/2026	kWh	45.000	-	107.985.960
	(kèm theo bảng kê số 1760825392 ngày 02 tháng 05 năm 2026)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					107.985.960
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.638.877
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 116.624.837
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN -
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN
BẮC
Ngày ký: 02/05/2026 07:22:40



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, TP Hà Nội

Đ/c PTN: Liên kề 16.31, KĐT Hinode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 17959/2025/PKQ/25.10023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ENSO
Địa chỉ : Tầng 2, số 249 C8, KĐT Đại Kim - Định Công, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần chi may Hưng Long Hà Nội - Số 1 lô L5 KCN Dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên
Vị trí lấy mẫu : - NT.191225-006- Mẫu nước thải sau xử lý của Công ty, tọa độ: VĐ=20.920397, KD=106.077834 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 19/12/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 31/12/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC KCN Phố Nối
				NT	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	25,3	40
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,31	5-9
3	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6194:1996	41,8	16,5
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	TCVN 6185.C:2015	8	750
5	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	14,2	300
6	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	16,3	250
7	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	38,7	800
8	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,03	0,4
9	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,1	60
10	Tổng phosphor (Tổng P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,09	-
11	Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	5,6×10 ²	6.000
12	Cyanide (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500CN-C&E:2023	KPH (MDL=0,002)	0,03

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: TC KCN Phố Nối: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của khu công nghiệp Phố Nối.

TP. PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Duyên

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025



ThS Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

MẶT BẰNG TỔNG THỂ (SAU ĐIỀU CHỈNH)

(KÈM THEO VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ SỐY...../...../2017)

SỬA ĐỔI - REVISION			CHỖ IN APPARATUS
TÊN MÀ	NGÀY DATE	HỘI THẢO COMMITTEE	
1			
2			
3			

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ DỊCH VỤ KCN VIỆT NAM

GIÁO DƯỠNG ĐÀO TẠO - LOCALIZATION
LÀM VIỆC CÙNG MẠNG MẠCH B
XÁC ĐỊNH - ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG - THAY ĐỔI HÀNH VI

PHÒNG CHÁY SỬA CHÁY

[illegible]

NGUYỄN THÀNH NGỌC

Director of Operations

weight of specimen:	1 lb.
number of specimens:	1

VŨ VĂN THẮNG	
--------------	---

	VÕ VĂN THẮNG
---	---------------------

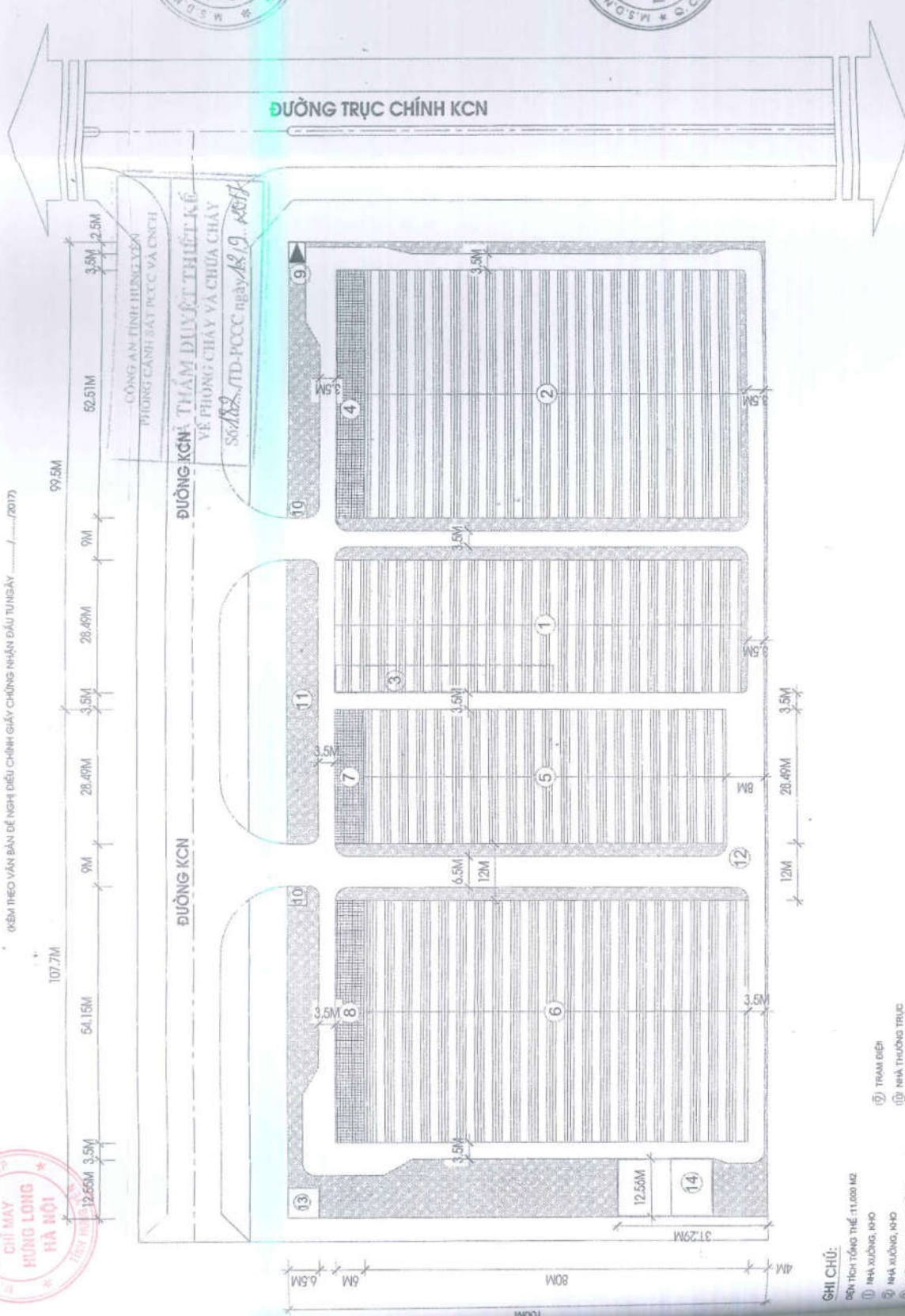
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
CÁC CÔNG VIỆC THỰC HIỆN - STAGE 1

INDUSTRY-DRIVEN:

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

TYPE - SCALE:	20 HIGH DENSITY-CORRUGATED NO. 1 ---/HDEKT
---------------	---

04/2011	TT-51
---------	-------



GHI CHI.

Diện tích tổng thể : 11.000 m²

- ① NHÀ SƯỞNG, KHO
- ② NHÀ MUỐNG, KHO
- ③ NHÀ VẠN PHÒNG 3 TẦNG
- ④ NHÀ VẠN PHÒNG 3 TẦNG
- ⑤ NHÀ SƯỞNG, KHO
- ⑥ NHÀ SƯỞNG, KHO
- ⑦ NHÀ VẠN PHÒNG
- ⑧ NHÀ VẠN PHÒNG
- ⑨ NHÀ SƯỞNG, KHO
- ⑩ NHÀ THƯỜNG TRÚC
- ⑪ ĐẤT CÂY NANH
- ⑫ ĐẤT CHÁO THÔNG
- ⑬ KHO CHỨA CHẤT THẢI
- ⑭ BẾ PCCC + PHÒNG BƠ
- ⑮ TRAM ĐIỆN

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐẤT 15 KHU CÔNG NGHIỆP SỐ 1

ĐỊA ĐIỂM: LỘ ĐẤT L5, KHU CÔNG NGHIỆP DỆT MAY PHỐ NỔI B, XÃ DỊ SỬ, HUYỆN MỸ HẠO, TỈNH HUNG YÊN

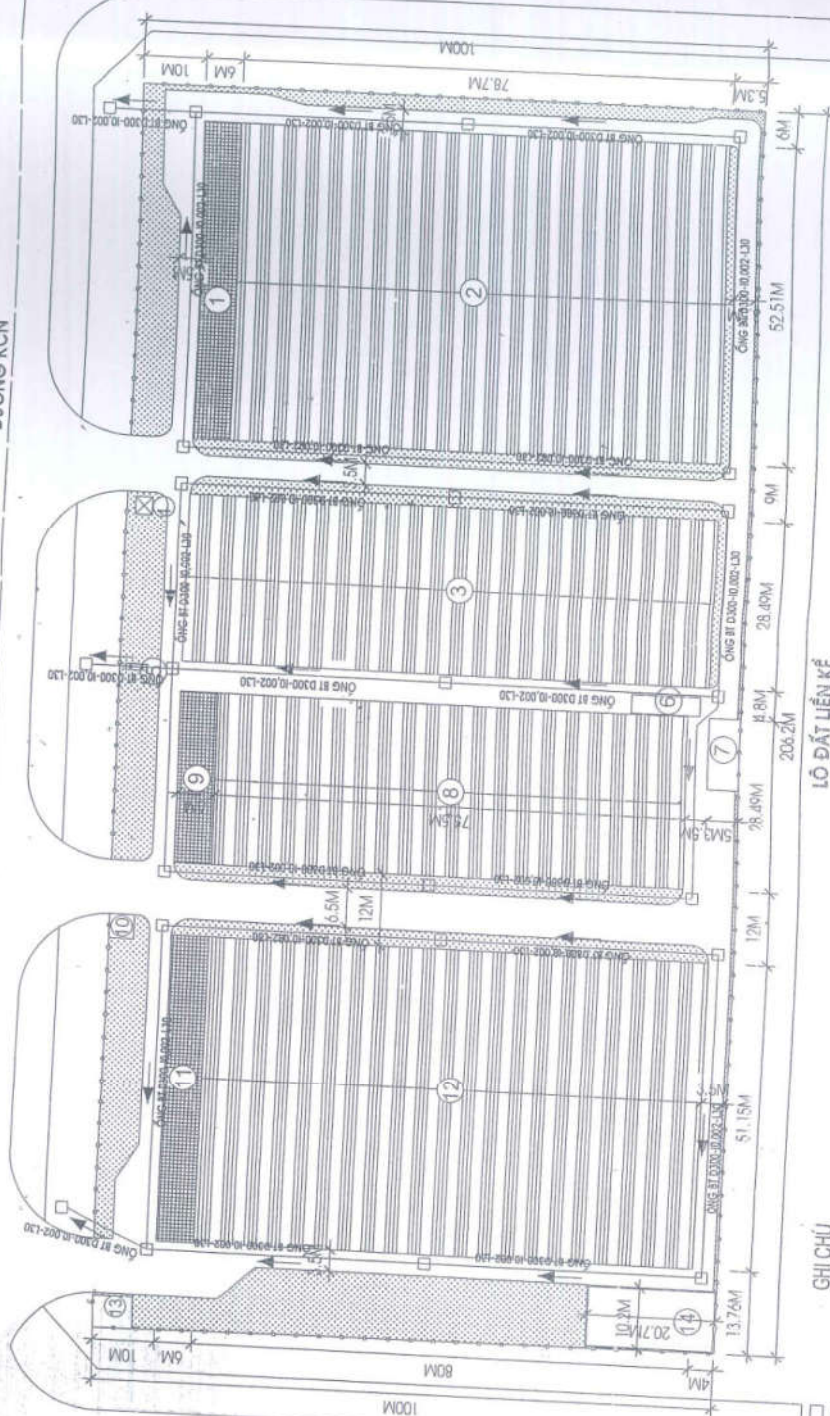


ĐƯỜNG KCN

ĐƯỜNG KCN

ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH KCN

ĐƯỜNG KCN



BẢNG THỐNG KÊ CHỈ TIÊU XÂY DỰNG

- DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: 20.674 M².

GHI CHÚ

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐÁ QUẾ KAY DÙNG	DIỆN TÍCH XD
1	NHÀ VÁN PHÒNG 3 TẦNG	ĐÁ XÂY DỰNG	315 M ²
2	NHÀ XƯỜNG	ĐÁ XÂY DỰNG	4133 M ²
3	NHÀ XƯỜNG	ĐÁ XÂY DỰNG	2413 M ²
4	NHÀ BUỒI	ĐÁ XÂY DỰNG	
5	TRẦN DIỆN	ĐÁ XÂY DỰNG	

LỘ ĐẤT LIÊN KẾ

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐÁ DUYỀN XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH XO
8	- NHÀ XƯỞNG	DUYỀN XÂY DỰNG	2151 M ²
9	- NHÀ VÁN PHÒNG 2 TẦNG	DUYỀN XÂY DỰNG	171 M ²
10	- CHỖ GÁC	DUYỀN XÂY DỰNG	
11	- NHÀ VÁN PHÒNG 2 TẦNG	DUYỀN XÂY DỰNG	307 M ²

* NHA VAN PHO

of 1991.

Đang chờ
TỔ VĂN THÁNH
GIAM ĐỐC
DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ

nhà: LÔ L5, KCN DIỆT MÂY MỚI B,
LÍ DI SƯ, HUYỆN MỸ HẢO, TỈNH HỒNG Y

5 MC

710

1948



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ISC**

4



1. *W. b. b.*

0

multi case

15

18 THOÁT NIỆC MÀ

ĐIỀU 8. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐIỂM: LỘ ĐẤT L5, KHU CÔNG NGHIỆP DỆT MAY PHU NUI B, XÃ UỶ SƯ, HUYỆN MỸ HẠO, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

207.2M

ĐƯỜNG KCN

ĐƯỜNG KCN

ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH KCN

ĐƯỜNG KCN

LỖ ĐẤT LIỀN KẾ

TRẢNG THỐNG KÊ CHỈ TIÊU XÂY DỰNG

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	BÀI/DỰ KIẾN XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH XD
8	- NHÀ XƯỞNG	DỰ KIẾN XÂY DỰNG	2151 M ²
9	- NHÀ VÁN PHÒNG 7 TẦNG	DỰ KIẾN XÂY DỰNG	171 M ²
10	- CHỖ GÁC	DỰ KIẾN XÂY DỰNG	
11	- NHÀ VÁN PHÒNG 7 TẦNG	DỰ KIẾN XÂY DỰNG	307 M ²
12	- NHÀ XƯỞNG	DỰ KIẾN XÂY DỰNG	4022 M ²
13	- TRAM ĐÉN	DỰ KIẾN XÂY DỰNG	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐẠI DƯ NGÀNH XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH XÓ
1	- NHÀ VÁN PHONG 2 TNG	ĐẠI XÂY DỰNG	315 M ²
2	- NHÀ XƯỞNG	ĐẠI XÂY DỰNG	4133 M ²
3	- NHÀ XƯỞNG	ĐẠI XÂY DỰNG	3413 M ²
4	- NHÀ BẢO VỆ	ĐẠI XÂY DỰNG	
5	- TRẦN ĐIỆN	ĐẠI XÂY DỰNG	

DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: 20.574 M2
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 13.582 M2 (65%)
DIỆN TÍCH CÂY XANH: 3.042 M2 (15%)
DIỆN TÍCH SÂN BƯỜNG: 4.050 M2 (20%)

MB THOÁT NƯỚC THẢI

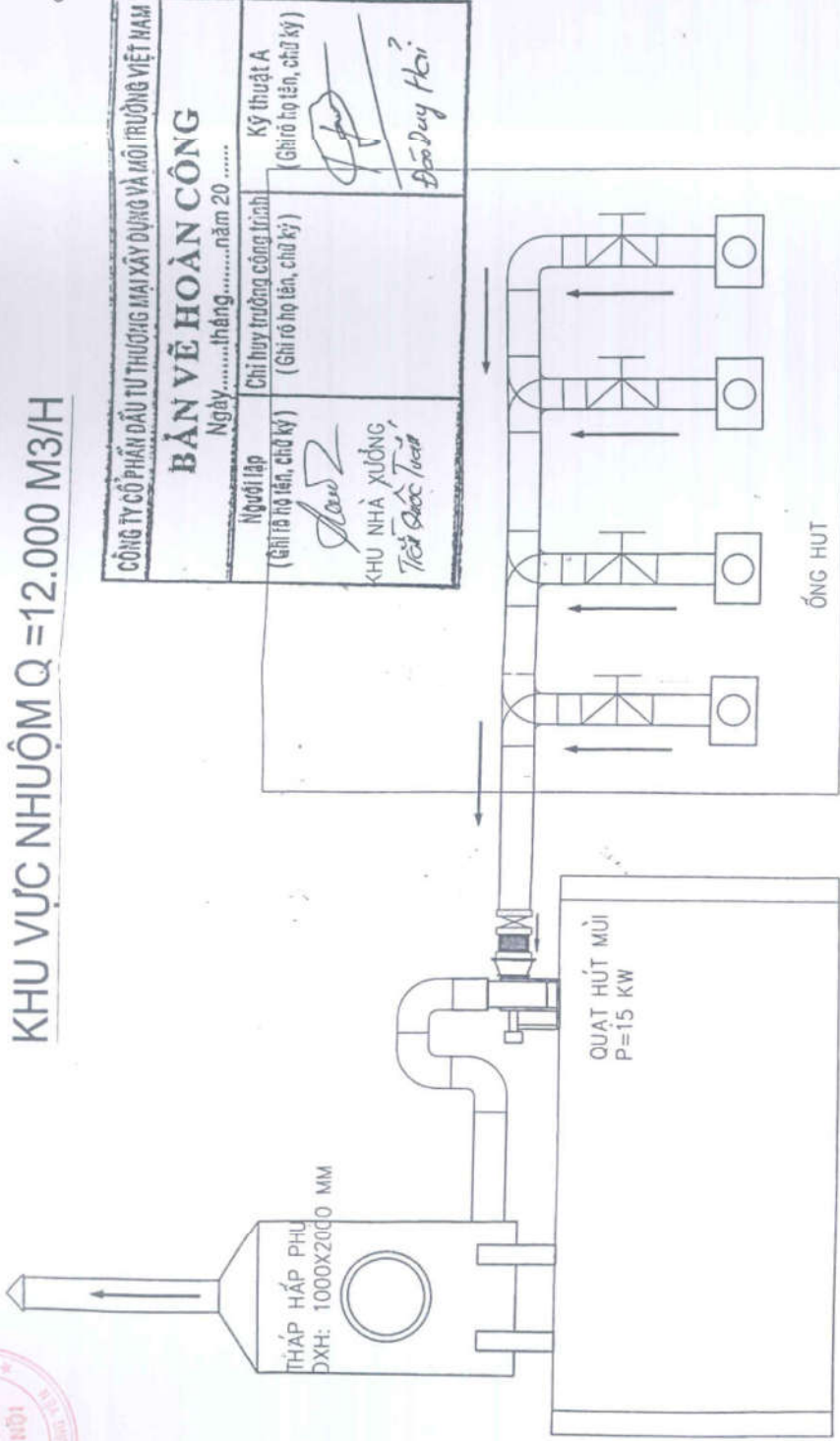
XPXD03

1



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ MÙI

KHU VỰC NHUỘM Q = 12.000 M³/H



THUYẾT MINH:

HƠI DUNG MÔI HỮU CƠ CÓ MÙI CỦA HÓA CHẤT DỆT CHỈ TRONG CÁC LÒ DỆT, ĐƯỢC HỆ THỐNG CHỤP HÚT KÍCH THUỐC 800X600 CM ĐƯỢC LẮP TRÊN HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG 200X200, ỐNG 300X300, ỐNG 400X400 HƠI HỮU CƠ ĐƯỢC QUẠT HÚT P=15 KW CÓ LƯU LƯỢNG 12000 M³/GIỜ ĐƯỢC HÚT VÀO THÁP HẤP PHỤ THAN HOẠT TÍNH, TẠI ĐÂY HƠI HỮU CƠ ĐƯỢC THANH HOẠT TÍNH HẤP PHỤ, KHÍ THẢI THÁP HẤP PHỤ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN XẢ RA NGOÀI MÔI TRƯỜNG.

HỖ DUNG (HỒU DUNG)			
LẦN VẼ	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	Kiểm CHECKED
1			
2			
3			
4			
5			
6			
CHỮ ĐẤU TỪ - AMESER			
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ MÀY HƯNG LONG HÀ NỘI			
CÔNG TRÌNH - PROJECT			
HẠNG MỤC - ITEMS			
HỆ XỬ LÝ HƠI XUỐNG NHUỘM			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION			
KCN PHỐ NỔI B			
H. MỸ HẠO - T. HƯNG YÊN			
ĐƠN VỊ VẤN - DESIGN ESTIMATION			
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM			
VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM			
P. KINH DOANH TỰ DO 19 VÀ 20			
TEL: 04 62 83 176			
Email: vnmt@vnmt.vn			
TRẦN THỐNG PHÂN			
DIRECTOR			
LÊ ANH LÂN			
KỸ SƯ THIẾT KẾ			
NGUYỄN NGỌC			
TRẦN QUANG DŨNG			
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ			
TỈ LỆ - SCALE			
NGÀY - DATE			
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO			
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO			
CN-01			

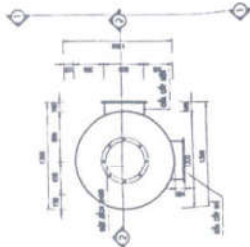


CHI TIẾT THÁP HẤP THỤ

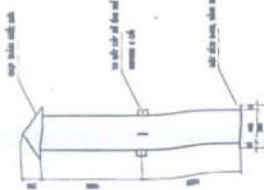
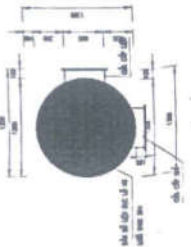
SỐ LƯỢNG: 1 THÁP

ỐNG KHỐI Ø = 202 x 4 M

MẶT BẰNG COS +2.0



MẶT BẰNG COS +0.9



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

Đoàn Quốc Toàn
Đoàn Quốc Toàn

Chỉ huy trưởng công trình
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

Đoàn Quốc Toàn
Đoàn Quốc Toàn

Kỹ thuật A
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

Đoàn Quốc Toàn
Đoàn Quốc Toàn

KCN PHỐ NỘI B

H. MỸ HẠO - T. HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: DESIGN INSTITUTION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM



VIA MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

VIỆT NAM
P. 12/2000/TT-BTNMT
P. 12/2000/TT-BTNMT
P. 12/2000/TT-BTNMT

TEL: 04 62 608 798
Email: vncc@vncc.vn

GIÁM ĐỐC,
DIRECTOR

TOÀN THỐNG PHẢN

LE THIÊN LÂN

NGUYỄN VĂN C

TRẦN QUANG DŨNG

ĐƠN VỊ VẼ - ĐOẠN 1/1

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TITLE - SCALE

NGÀY - DATE

SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO

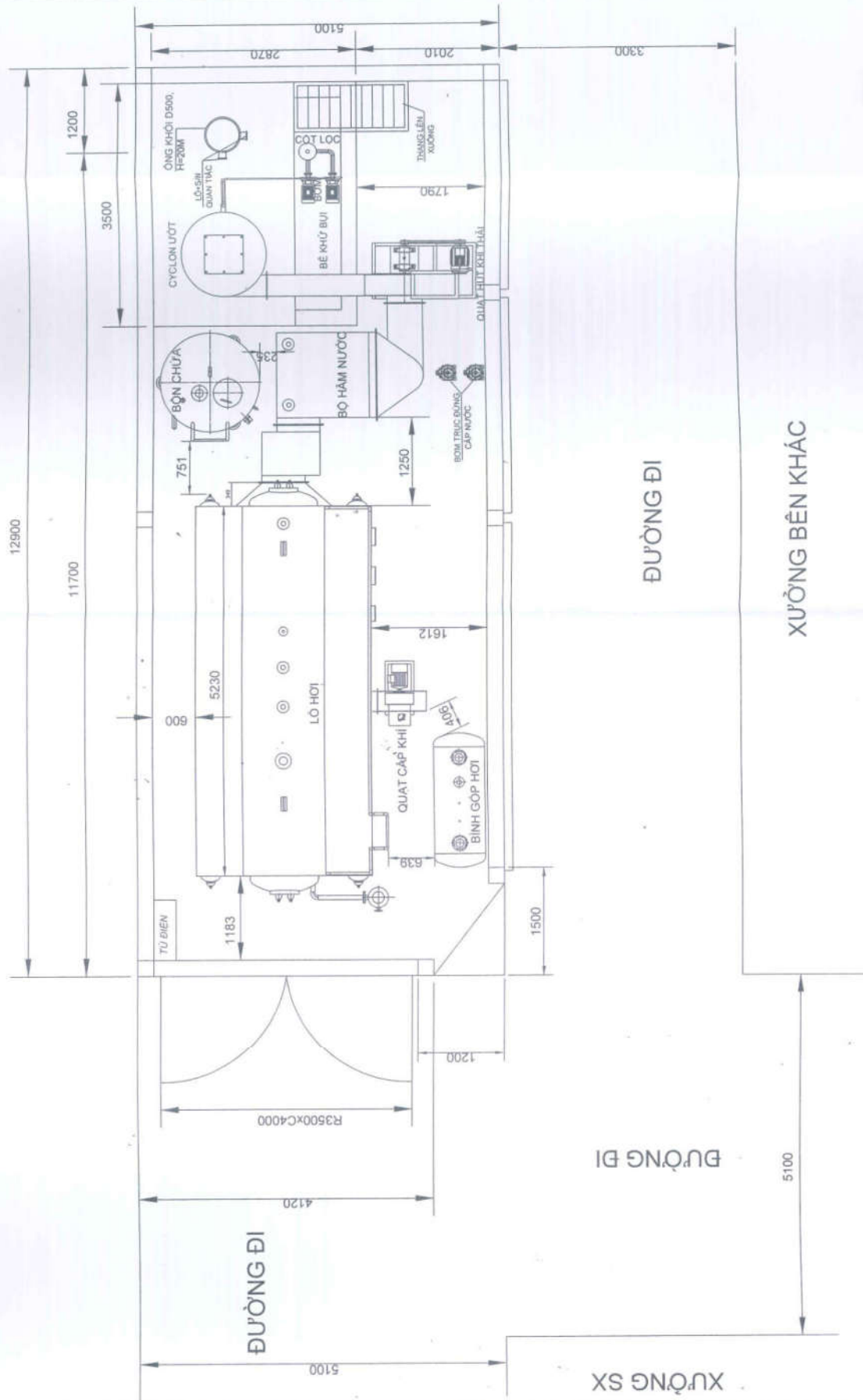
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO

CN-04



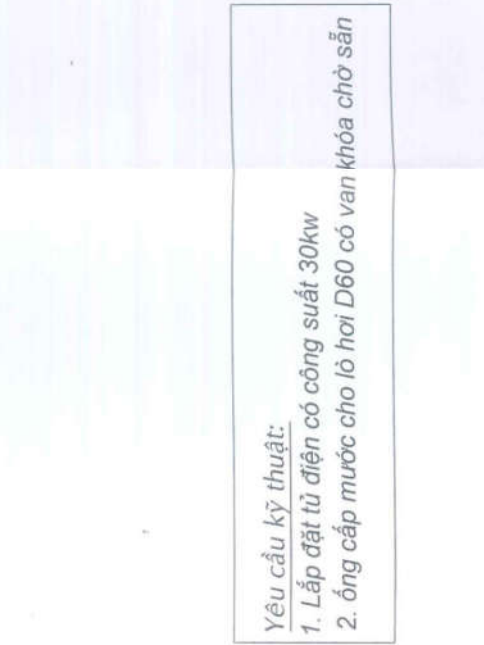
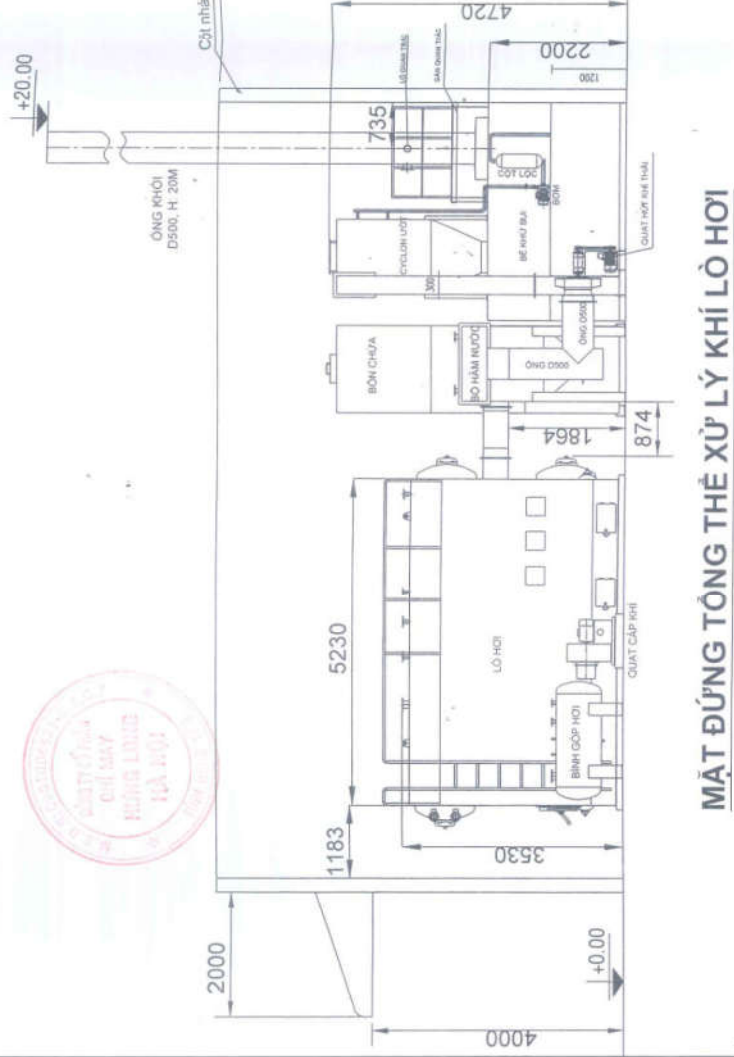
SƠ ĐỒ HÌNH KHỐI CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI





LÂM SỬA ĐỒI	NGÀY
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MÁY HUNG LONG	
DỰ AN	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÁY CÔNG NGHIỆP HUNG LONG	
ĐC: SỐ 1 LÔ 15, KCN DỆT MAY PHỐ NỔI B, XÃ DỊ XÙ, HUYỆN MỸ HẠO, TỈNH HUNG YÊN	
ĐƠN VỊ THI CÔNG:	
GIÁM ĐỐC:	
CHỖ NHỆM DƯ AN	
CHỖ TRỊ	
THIỆT XE	
GIÁM ĐOÀN THIẾT XE	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
HÀNG MỤC	
XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TỶ LỆ BẢN VẼ	
HOÀN THÀNH	20...
SỐ HIỆU BẢN VẼ	CN-02

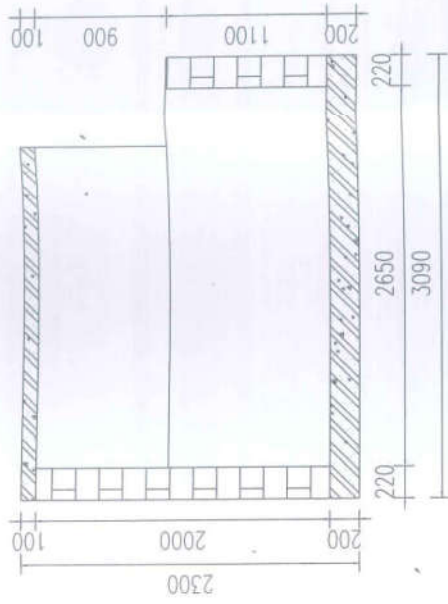
Technical drawing of a steam boiler system. The drawing shows a side elevation of the boiler with various components and dimensions. Key dimensions include: overall width 6000, overall height 6500, boiler body width 4000, boiler body height 3750, boiler body width at the top 1500, boiler body height at the top 1612, boiler body width at the bottom 5100, boiler body height at the bottom 570, boiler body width at the top 600, boiler body height at the top 1000, boiler body width at the bottom 1000, boiler body height at the bottom 1500. Labels include: "ỐNG KHỎI D500, H: 20M" (Smokestack D500, H: 20M), "LÒ HƠI" (Steam boiler), "BÌNH GẬP HƠI" (Steam separator), "QUẠT HÚT BỤI THỦY" (Water dust collector), "QUẠT CẤP KHÍ" (Air supply fan), "MẶT BÊN TỔNG THỂ XỬ LÝ KHÍ LÒ HƠI" (Overall side view of the steam boiler system). The drawing is oriented vertically on the page.



ÔNG LÊ
ĐƠN

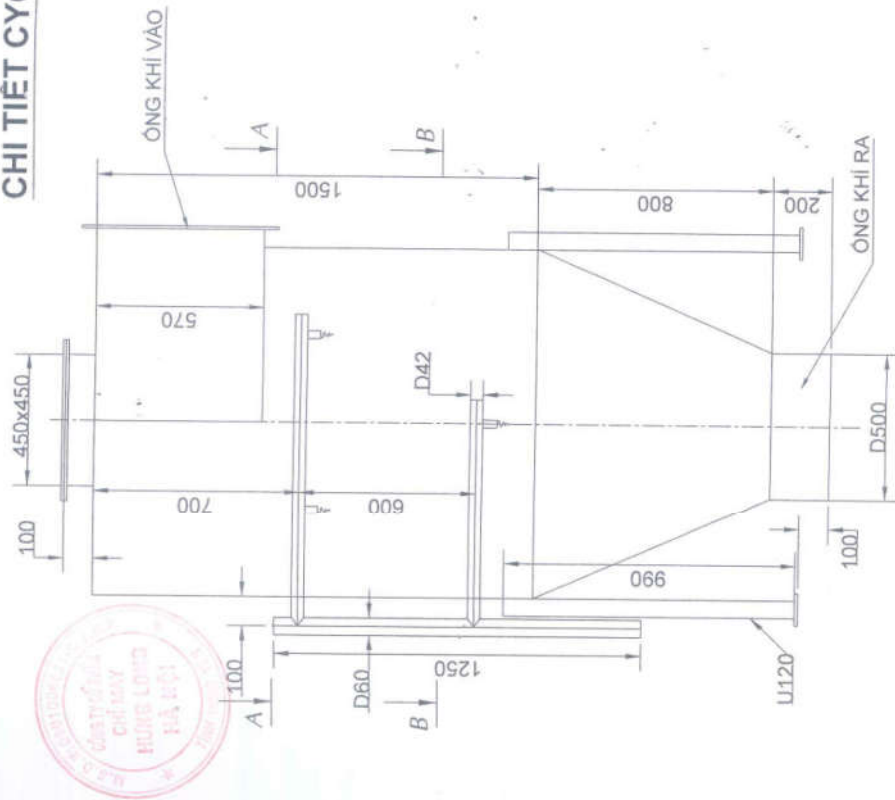


MẶT CẮT 1-1

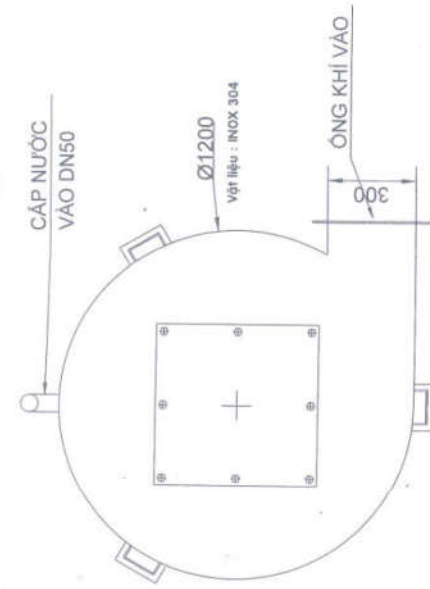


LẦN SỬA ĐỔI	NGÀY
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MÁY HUNG LONG	
ĐƠN ANH	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÁY CÔNG NGHIỆP HUNG LONG	
ĐC: SỐ 1 LÔ 15, KCH CÊI MÁY PHỐ NỐI B, XÃ DI XU, HUYỆN MỸ HẠC, TỈNH HUNG YÊN	
ĐƠN VỊ THI CÔNG:	
QUẢN ĐỐC:	
CHỦ NHIỆM DỰ ANH	
CHỦ TRƯỞNG	
THIẾT KẾ:	
QUẢN ĐOAN THIẾT KẾ:	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
HANG NHÚC:	
XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT BÊ KHUỖ BỤI	
TỶ LỆ BẢN VẼ	
HOÀN THÀNH:	20...
SỐ HIỆU BẢN VẼ	CN-04

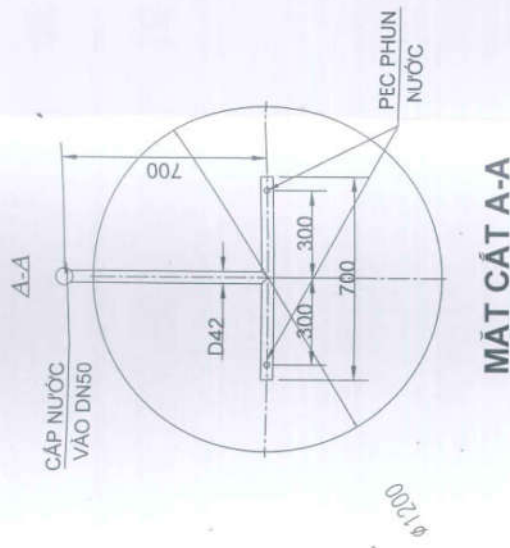
CHI TIẾT CYCLOE UỐT



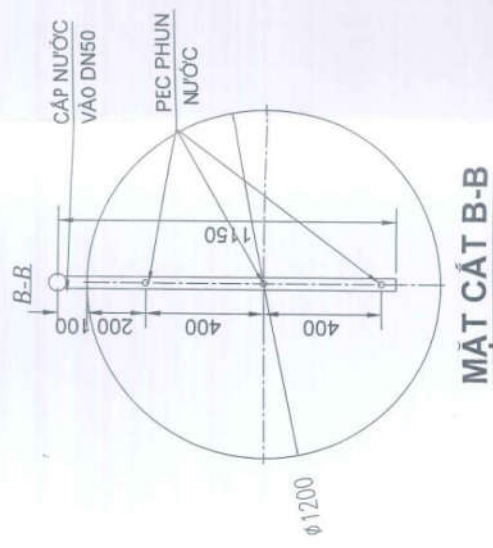
MẶT ĐỨNG CYCLOE UỐT



MẶT BẰNG CYCLOE UỐT



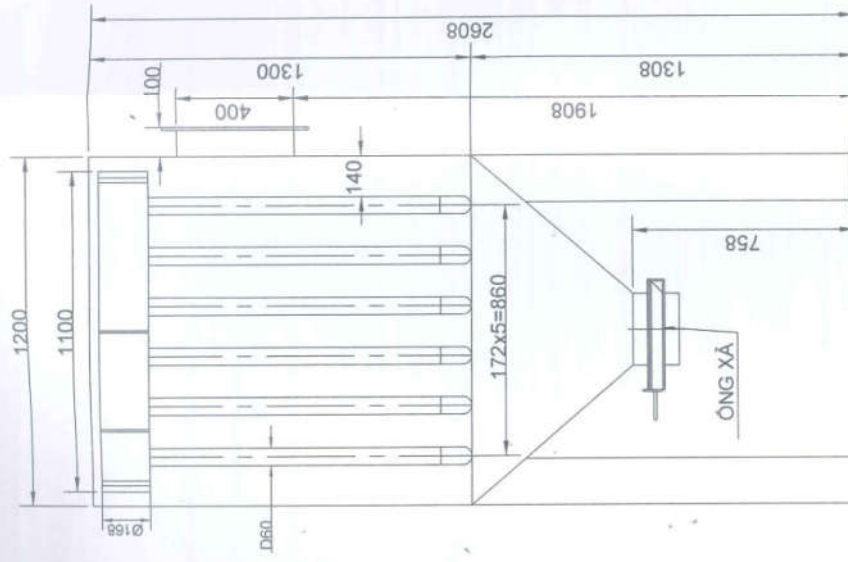
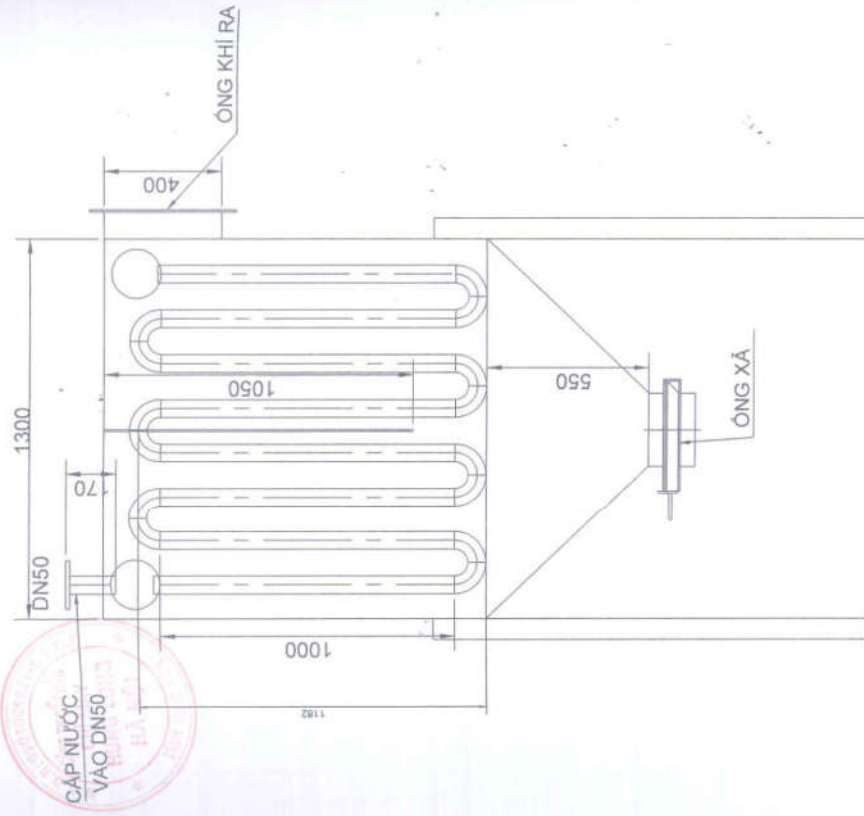
MẶT CẮT A-A



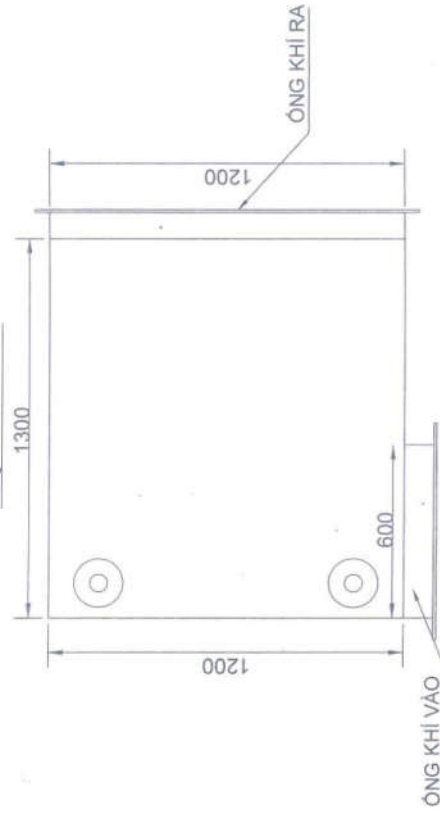
MẶT CẮT B-B

LẦN SỬA ĐỔI		NGÀY
CHỮ ĐẤU TỬ		
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HUNG LONG		
ĐƠN ÁNH		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY CÔNG NGHIỆP HUNG LONG		
ĐC: SỐ 1 LÔ L3, KCH DỆT MAY PHỐ NỔI B, XÃ DI XỨ, HUYỆN MỸ HẠO, TỈNH HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ THI CÔNG:		
GIÁM ĐỐC:		
CHỦ NHÌEM DỰ ÁN:		
CHỦ TRÌ:		
THIẾT KẾ:		
GIÁM ĐOÀN THIẾT KẾ:		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
HANG MỤC:		
XỨ LÝ KHÍ THẢI		
TIÊU BẢN VẼ:		
CHI TIẾT CYCLONE UỐT		
TỶ LỆ BẢN VẼ		
HOÀN THÀNH		20...
SỐ HIỆU BẢN VẼ		CN-01

CHI TIẾT BỘ HẦM NƯỚC



MẶT ĐÚNG



MẶT BÊN

LẦN SỬA ĐỔI	NGÀY
CHỮ ĐẤU TỬ	
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ MAY HÙNG LONG	
ĐƠN ANH	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY CÔNG NGHIỆP HÙNG LONG	
ĐC: SỐ 1 LÔ 15, KCN DỆT MAY PHỐ MỚI B, XÃ DỊ XÚ, HUYỆN MỸ HẠC, TỈNH HUNG YÊN	
ĐƠN VỊ THỰC CÔNG	
QUẢN ĐỐC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	
CHỦ TRƯỞNG	
THIẾT KẾ	
GIẢI ĐOAN THIẾT KẾ	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
HANG MÀU	
XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TÊN SẢN PHẨM	
CHI TIẾT BỘ HẠM NƯỚC	
TỶ LỆ BẢN VẼ	
HOÀN THÀNH	20...
SỐ HIỆU BẢN VẼ	CN-06

